



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÚ TÀI

2021



Địa chỉ: 278 Nguyễn Thị Định - Phường Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

Email: sales@phutai.com.vn

ĐT: (0256) 3847 668

Website: <http://phutai.com.vn/>



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

SÁNG TẠO

TỐC ĐỘ

BỀN VỮNG



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	5
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	27
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	51
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	59
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	65
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	79





CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

- » Thông tin khái quát
- » Quá trình hình thành và phát triển
- » Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- » Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- » Rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 4100259236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 30/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 25/07/2018.
Vốn điều lệ	: 485.994.410.000 đồng
Địa chỉ	: Số 278, Nguyễn Thị Định, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Số điện thoại	: (0256) 3847 668.
Số fax	: (0256) 3847 556.
Website	: http://phutai.com.vn/
Mã cổ phiếu	: PTB
Sàn giao dịch chứng khoán	: HOSE

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Đầu tư xây dựng Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài – Nhà máy chế biến đá Bazal, granite tại tỉnh Đắk Nông.

Đầu tư xây dựng di dời Xí nghiệp Thăng Lợi – Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài.

Đầu tư thành lập Chi nhánh Quy Nhơn – Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng-Công ty cổ phần Phú Tài.

Đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần chi phối Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên

2008

Đầu tư xây dựng Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài – Nhà máy chế biến đá granite tại tỉnh Khánh Hòa

2011

Chính thức trở thành công ty niêm yết – Bước ngoặt phát triển mới – 20/05/2011. Cổ phiếu của Công ty cổ phần Phú Tài chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu PTB

2012

Đầu tư Mở rộng Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng – Công ty cổ phần Phú Tài.

2007 - 2014

2013

Đầu tư nhận chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV khoáng sản Tuấn Đạt.

2014

Đầu tư xây dựng Nhà Văn phòng làm việc Xí nghiệp 380.

Đầu tư Mở rộng Nhà máy chế biến gỗ Xí nghiệp Thăng Lợi-Công ty cổ phần Phú Tài.

2015

Đầu tư thành lập Công ty cổ phần đá Universal.

Đầu tư thành lập Nhà máy chế biến đá ốp lát tại tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài

2016

Đầu tư mua cổ phần chi phối Công ty cổ phần ViNa G7.

Đầu tư thành lập Nhà máy chế biến đá ốp lát tại tỉnh Bình Định - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài.

Đầu tư thành lập Nhà máy chế biến đá ốp lát tại tỉnh Hưng Yên - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài.

2015 - 2017

2017

Đầu tư thành lập Nhà máy chế biến gỗ Phù Cát- Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài.

Đầu tư nhận chuyển nhượng đất và tài sản trên đất của Công ty cổ phần VRG đá Bình Định.

Đầu tư thành lập Nhà máy chế biến đá ốp lát Diên Tân- Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài.

Thực hiện chuyển đổi 01 chi nhánh sang hình thức công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ: Công ty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai.

Mua lại 70% phần vốn của Công ty sản xuất đá Granite - TNHH Granida.

2018

Thành lập công ty TNHH MTV Bất Động Sản Phú Tài.

Nhận chuyển nhượng vốn góp do công ty TNHH đá Granite Thành Châu Phú Yên (tỷ lệ 100% vốn điều lệ).

Thành lập Công ty Cổ phần Đá Phú Tài Ninh Thuận.

Thành lập chi nhánh công ty cổ phần Phú Tài - Xí nghiệp khai thác đá Khánh Hòa.

Thành lập chi nhánh công ty cổ phần Phú Tài - Xí nghiệp khai thác đá Bình Định.

Thành lập chi nhánh công ty cổ phần Phú Tài - Nhà máy chế biến đá Long Mỹ.

Thành lập Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Phú Tài.

2018-2020

2019 - 2020

Thành lập Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh cao cấp Phú Tài;

Nhận chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát (tỷ lệ 99% vốn điều lệ).

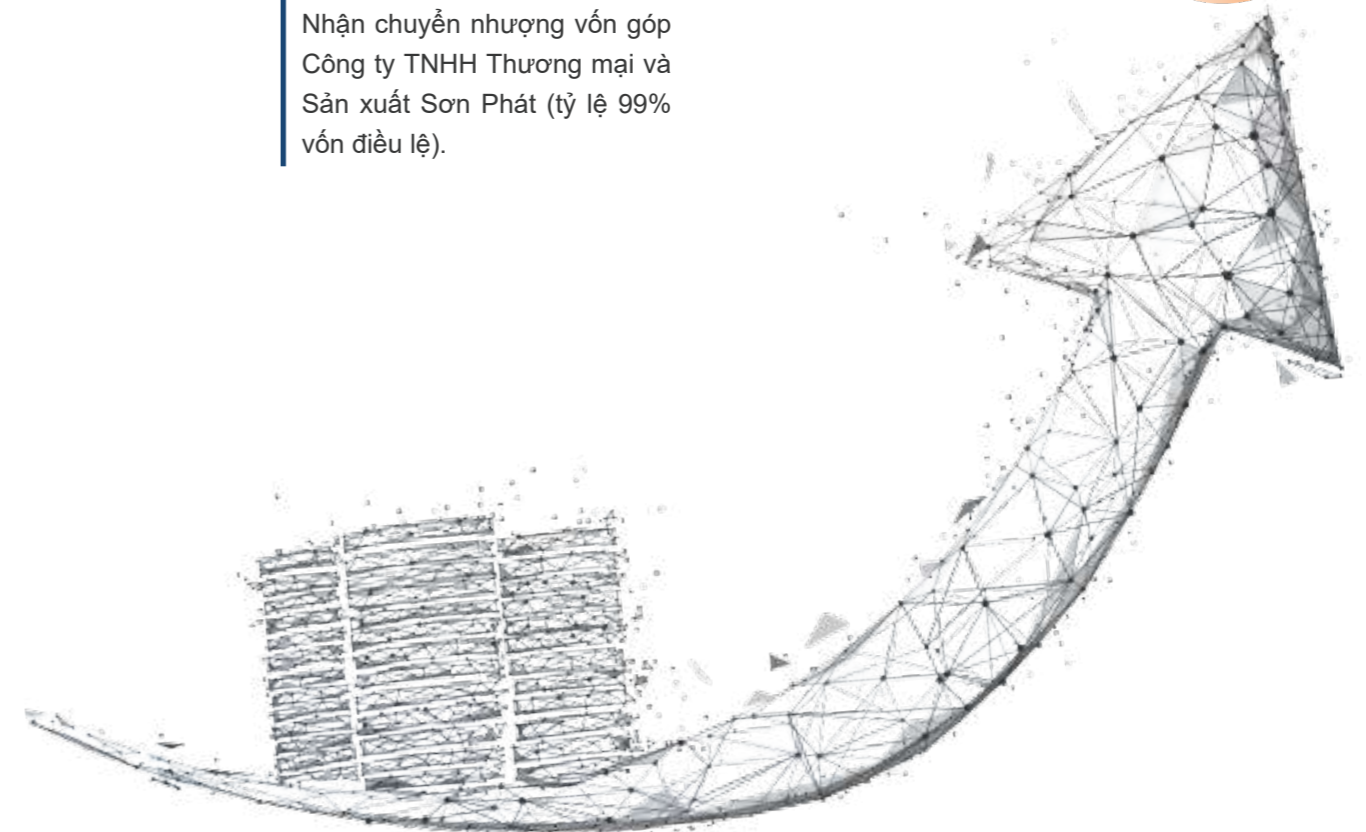
2021

Thành lập Công ty TNHH MTV Đá Phú Tài Yên Bái – Công ty con thuộc sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty cổ phần Phú Tài.

Sáp nhập nguyên trạng Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài Nhà máy chế biến gỗ Phù Cát vào Công ty TNHH MTV gỗ Phú Tài Bình Định.

Thành lập Nhà máy chế biến đá Ốp lát tại Bình Định.

2021



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂUNGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH*Ngành nghề kinh doanh chính**Kinh doanh và sản xuất chế biến các sản phẩm gỗ*

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ

Kinh doanh và sản xuất chế biến các sản phẩm đá

- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá granite, đá bazal, đá marble;
- Khai thác đá granite, đá bazal; Khai thác đá làm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất đá dăm, bột đá và các sản phẩm tương tự;
- Mua bán các sản phẩm từ đá granite, đá bazal, đá marble;

Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe ô tô cho hãng TOYOTA Việt Nam

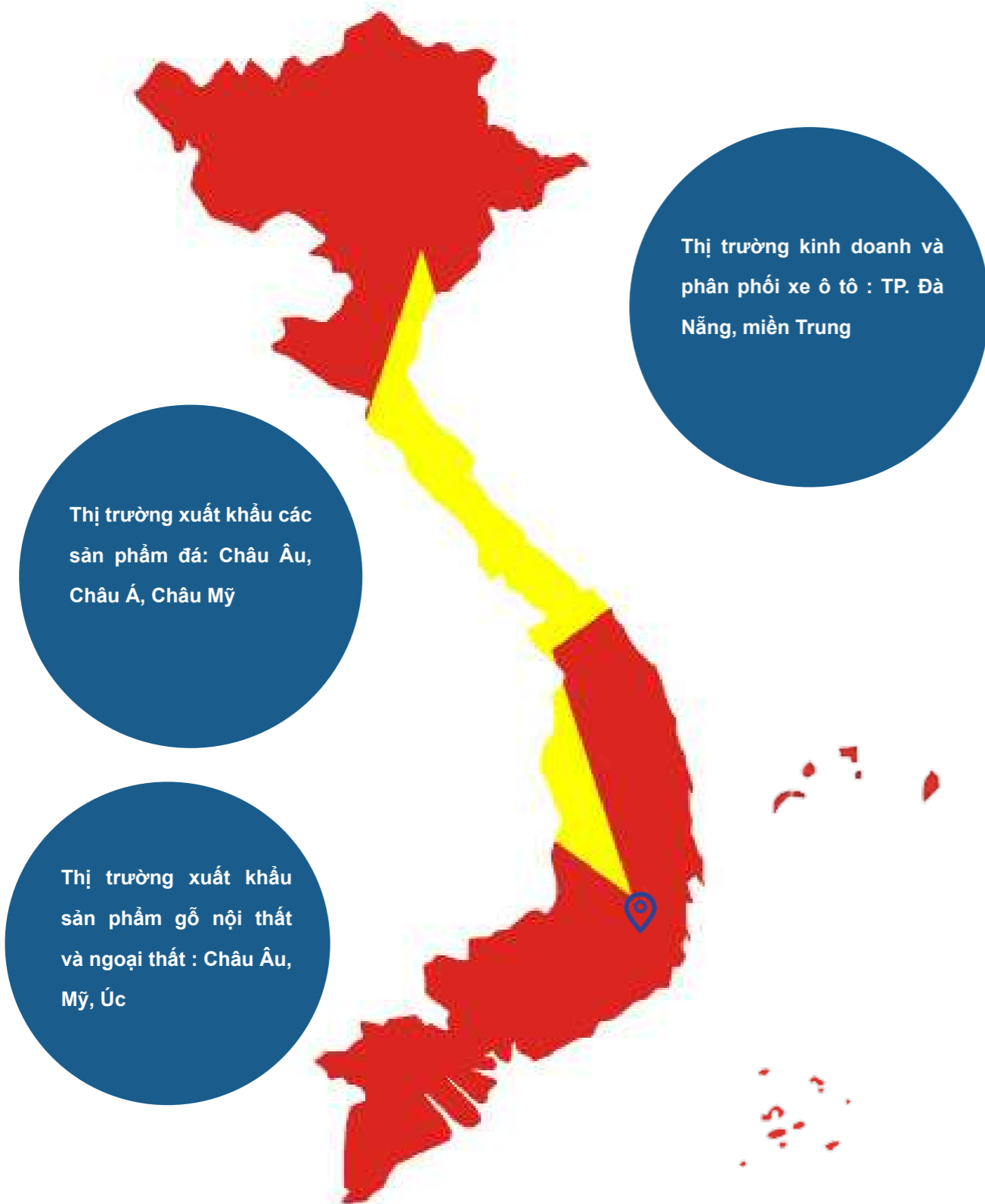
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;

Xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, nhà ở.



Địa bàn kinh doanh



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của CTCP Phú Tài. Đại hội đồng Cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

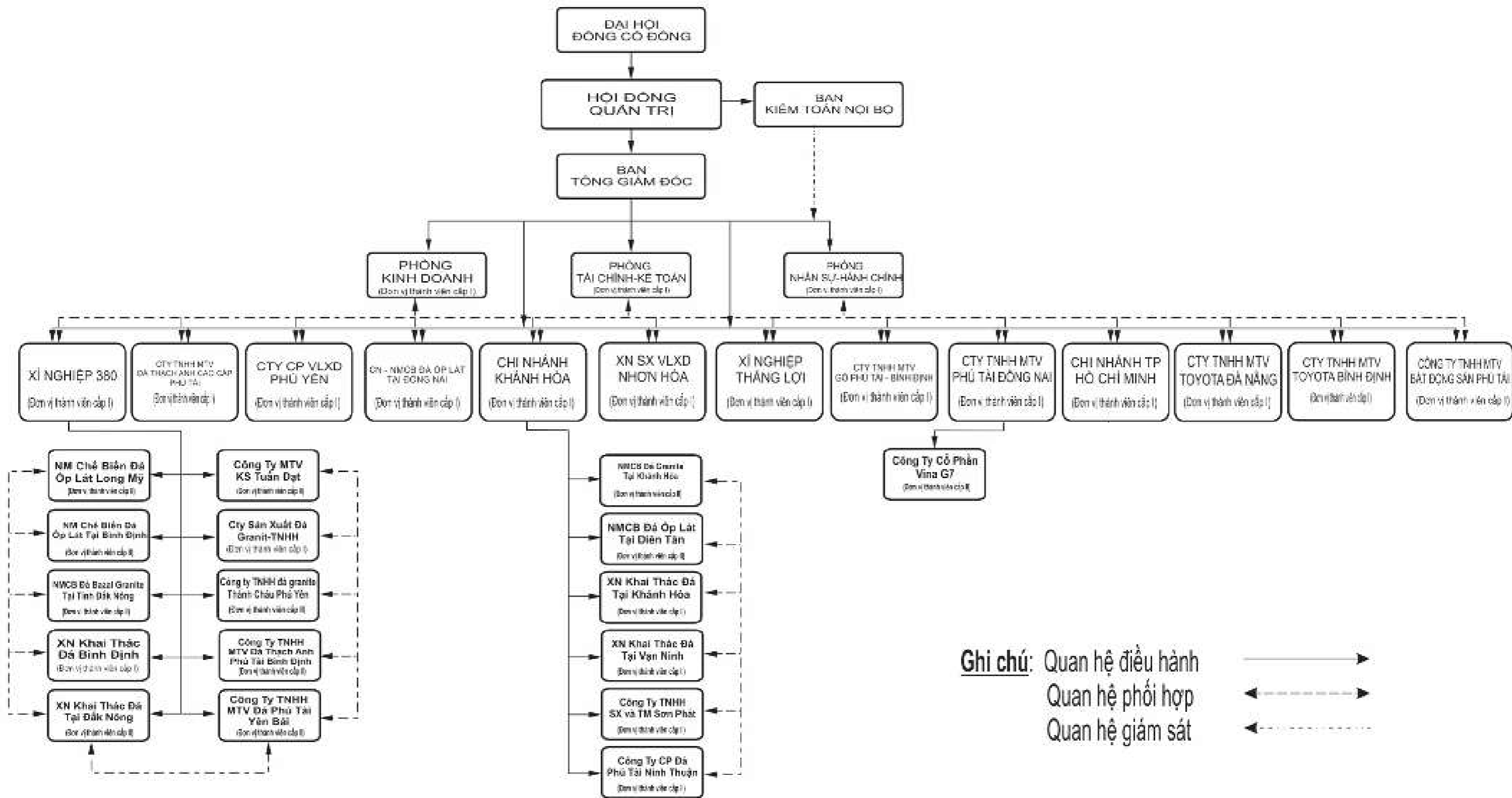
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Thường xuyên trao đổi thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các vấn đề cần thiết khác với Hội đồng quản trị. Thực hiện báo cáo kết quả SXKD, đầu tư và xây dựng kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý theo yêu cầu HĐQT; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm tám thành viên; trong đó có sáu thành viên tham gia điều hành và hai thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý của công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp bất thường của HĐQT sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết. Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác, và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban Tổng giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị cùng với

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Công ty con, công ty liên kết

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VĐL THỰC GÓP	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty con						
1	CTCP Vật liệu Xây dựng Phú Yên	172 Trần Hưng Đạo, Tuy Hòa, Phú Yên	Khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng.	9.620.700.000	50,65%	50,65%
2	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Tuấn Đạt	Tổ 8, KV 4, phường Trần Quang Diệu Quy Nhơn, Bình Định	Khai thác đá.	10.700.000.000	100%	100%
3	CTCP Đá Universal	120/2 Trần Huy Liệu, P.15 Q. Phú Nhuận, TP.HCM	Sản xuất, cung cấp lắp đặt các sản phẩm đá ốp lát; Xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông; Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình.	6.000.000.000	60%	60%
4	Công ty TNHH Sản xuất Đá Granit	10 Tân Lập 1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM	Khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng.	34.650.000.000	70%	70%
5	Công ty TNHH Đá Granite Thành Châu Phú Yên	Thôn Lãnh Trường, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	Khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng.	30.000.000.000	100%	100%
6	Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Cao Cấp Phú Tài	Lô B112-114, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại, từ plasctic.	100.000.000.000	100%	100%
7	Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Sơn Phát	Thôn Tân Dân, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	Khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng.	39.600.000.000	99%	99%
8	CTCP VINA G7	KCN Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng gỗ.	41.877.750.000	75%	75%
9	Công ty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai	KCN Tam Phước, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng gỗ	45.000.000.000	100%	100%
10	Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng	69 – 71 Duy Tân – Đà Nẵng	Kinh doanh và dịch vụ xe ô tô	70.000.000.000	100%	100%
11	Công ty TNHH MTV Toyota Bình Định	278 Nguyễn Thị Định – Quy Nhơn – Bình Định	Kinh doanh và dịch vụ xe ô tô	25.309.025.243	100%	100%

Công ty con, công ty liên kết

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VĐL THỰC GÓP	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ SỞ HỮU
12	Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài	278 Nguyễn Thị Định – Quy Nhơn – Bình Định	Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh các dự án nhà ở, chung cư, văn phòng; Cho thuê nhà xưởng..	160.000.000.000	100%	100%
13	Công ty TNHH MTV Gỗ Phú Tài Bình Định	Huyện Phù Cát – Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế.	60.000.000.000	100%	100%
14	Công ty CP Đá Phú Tài Ninh Thuận	Tháp Chàm – Ninh Thuận	Sản xuất, chế biến đá	5.000.000.000	98%	98%
15	Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Phú Tài Bình Định	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Sản xuất, chế biến đá và bột đá	50.000.000.000	100%	100%
16	Công ty TNHH MTV Đá Phú Tài Yên Bái	Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Khai thác, chế biến đá	9.100.000.000	100%	100%
17	Công ty bột Thạch Anh	KCN Long Mỹ, TP. Quy Nhơn, Bình Định	Sản xuất nguyên liệu thạch anh	90.000.000.000	100%	100%
Đơn vị trực thuộc						
1	Xí nghiệp 380	Khu vực 5 đường Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định.	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm đá			
2	Nhà máy chế biến đá Granite – Basalt tại tỉnh Đắk Nông	Thôn 13, xã Đắc Wer, Huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Khai thác chế biến đá			
3	Nhà máy chế biến đá ốp lát tại tỉnh Đồng Nai	Đường số 7, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Chế biến và kinh doanh đá			
4	Nhà máy chế biến đá Granite tại tỉnh Khánh Hòa	Thôn Ninh Lâm, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	Khai thác, chế biến đá			
5	Xí nghiệp khai thác Khánh Hòa	Diên Tân, Khánh Hòa	Khai thác, chế biến đá			

Công ty con, công ty liên kết

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VĐL THỰC GÓP	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ SỞ HỮU
6	Nhà máy chế biến đá ốp lát Diên Tân	Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Khai thác, chế biến đá Granite			
7	Nhà máy chế biến đá Long Mỹ	KCN Phú Tài – P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Chế biến đá Granite			
8	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Nhơn Hòa	Xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Khai thác, chế biến đá			
9	Xí nghiệp Thăng Lợi	Nhà máy Phước Thành, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gỗ			
10	Nhà máy chế biến gỗ Phù Cát	Cụm CN Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gỗ			
11	Chi nhánh Hồ Chí Minh	14E Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gỗ.			
12	Nhà máy chế biến đá Ốp lát tại tỉnh Bình Định	Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	Chế biến và kinh doanh đá.			
13	Xí nghiệp khai thác Bình Định	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, chế biến đá			
14	Xí nghiệp khai thác Đắk Nông	Huyện ĐăkR'lấp, tỉnh Đắk Nông	Khai thác, chế biến đá			
15	Xí nghiệp khai thác Vạn Ninh	Thôn Tân Dân, Xã Vạn Thắng, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Khai thác, chế biến đá			

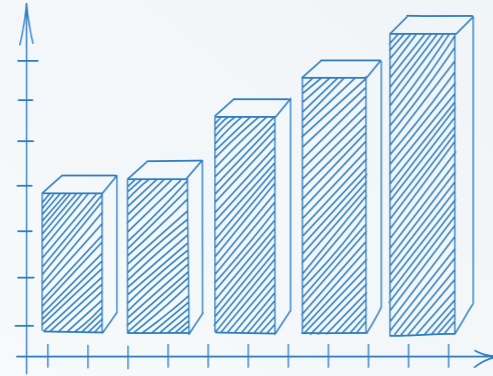


ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với phương châm hành động “ **SÁNG TẠO – TỐC ĐỘ - BỀN VỮNG** ”, Công ty tập trung tối đa nguồn lực hoàn thành tốt 3 nhiệm vụ cốt lõi sau:

- Xây dựng một công ty cổ phần với bộ máy kinh doanh phù hợp và hiệu quả, phát triển ổn định, bền vững.
- Bảo toàn và nâng cao giá trị của Công ty, bảo đảm quyền lợi đối với cổ đông, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Khai thác và sử dụng một cách hiệu quả các nguồn lực phục vụ SXKD, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Cải tiến hệ thống quản lý hạn mức công nợ, hàng tồn kho ở mức tiết kiệm nhất. Quản lý bằng quy chế đối với hạn mức vốn lưu động tại các đơn vị thành viên nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả hơn. Mục tiêu an toàn tài chính và giảm thiểu những phát sinh trong quá trình SXKD là mục tiêu quan trọng trong năm 2021 nhằm bảo đảm nguồn lực phát triển khi dịch bệnh được kiểm soát và đón nhận những cơ hội mới.

- Cơ cấu có trọng điểm bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, trình độ quản lý điều hành của bộ máy quản lý. Tập trung khai thác yếu tố tăng trưởng chiều sâu: nâng cao năng suất lao động, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, thay đổi sản phẩm mới nhằm tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, hạn chế sử dụng nhiều lao động phổ thông.

➤ Ngành chế biến khai thác đá:

Ngoài việc phát triển sản phẩm đá nhân tạo phải bảo đảm duy trì hiệu quả sản phẩm đá tự nhiên. Chỉ thực hiện đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh về lâu dài. Cân đối cơ cấu tỷ trọng phù hợp giữa thị trường trong nước và xuất khẩu. Duy trì vị thế trong топ đầu các doanh nghiệp của ngành đá tự nhiên Việt Nam.

➤ Ngành chế biến đồ gỗ:

Với những ảnh hưởng sau dịch bệnh Covid 19 và những diễn biến phức tạp địa chính trị trên thế giới đang diễn ra cũng đặt ra yêu cầu đánh giá lại công tác thị trường trong các phân khúc khách hàng, an toàn trong thanh toán và những rủi ro có thể xảy ra. Mở rộng thị trường, thu hút nguồn nhân lực đủ để đảm bảo khai thác tốt công suất các nhà máy cũ và mới đầu tư. Đầu tư cho công tác phát triển sản phẩm, đổi mới công nghệ nâng cao năng suất lao động, hạn chế sử dụng nhiều lao động.

➤ Ngành kinh doanh, dịch vụ xe ô tô:

Rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ bán hàng. Xây dựng lại chế độ lương thưởng theo hướng tinh giản nhưng vẫn bảo đảm năng suất lao động, nâng cao thu nhập người lao động. Thực hiện quản lý tốt chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đáp ứng tốt các tiêu chí về doanh thu, phát triển thị phần đề ra.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại do dịch Covid – 19 và các đợt phong tỏa kéo dài đã làm suy yếu nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, hạn chế triển vọng tăng trưởng của Việt Nam. Tuy nhiên tình hình khả quan hơn ở nửa cuối năm 2021, khi nền kinh tế phục hồi trở lại và tình hình dịch bệnh được kiểm soát và tỷ lệ dân số cả nước được tiêm chủng ở mức cao.

Vượt qua hàng loạt khó khăn, thách thức do dịch bệnh Covid-19 mang lại, bức tranh kinh tế cả năm 2021 của Việt Nam vẫn cho thấy nhiều điểm sáng. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm tăng 1,84%. GDP tăng 2,58%, trong đó quý 4 tăng mạnh, đạt 5,22% sau khi giảm 6,02% trong quý 3. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết và có hiệu lực thời gian qua như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) hay Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Những hiệp định này đều có nội dung liên quan đến ngành lâm nghiệp, ô tô và xuất nhập khẩu nói chung.

Trong ba lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ngành gỗ chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi của thị trường tài chính và tình hình kinh tế vĩ mô, do đó, những biến động bất lợi của nền kinh tế có thể dẫn đến suy giảm năng lực cạnh tranh và khả năng mở rộng thị trường cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến giá bán của sản phẩm gỗ.

Để hạn chế những rủi ro cũng như tận dụng những cơ hội từ nền kinh tế, Công ty liên tục cập nhật những biến động của tình hình kinh tế trên thế giới, từ đó đưa ra những chiến lược kinh doanh phù hợp.



Rủi ro tỷ giá

Nhu cầu nguyên liệu, phụ liệu và các sản phẩm phục vụ cho sản xuất của công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và sản phẩm của công ty được xuất khẩu ra thị trường quốc tế nên công ty đều phải chịu sự ảnh hưởng bởi tỷ giá khi có sự biến động đáng kể về tỷ giá. Cụ thể, khi tỷ giá hối đoái USD/VND biến động theo chiều hướng tăng hoặc giảm sẽ gây ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn của Công ty, cũng như ảnh hưởng đến các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ

Vì vậy, Công ty không chủ quan mà sẽ thường xuyên theo dõi những thay đổi trong tỷ giá để có những biện pháp phòng vệ hiệu quả trước rủi ro này.

Ngoài ra cũng cần chú ý tới yếu tố lạm phát. Tỷ lệ lạm phát cao làm cho giá đầu vào và đầu ra sẽ biến động, gây ra sự bất ổn về giá, lãi suất tăng, đồng tiền sẽ bị mất giá ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh.

Rủi ro lãi suất

Năm 2021, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) nhiều lần duy trì lãi suất cơ bản ở mức thấp, khoảng 0-0,25%. Ở Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không thực hiện cắt giảm lãi suất điều hành ba lần như trong năm 2020, nhưng sử dụng linh hoạt các biện pháp khác nhau để hỗ trợ cho thanh khoản thị trường ở trạng thái dồi dào, gần như không sử dụng tới các hoạt động thị trường mở, mua ngoại hối và bơm VND ra thị trường...

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

Hiện, nợ phải trả của PTB chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn vốn, chiếm khoảng 48,1% trên tổng nguồn vốn và không có sự dịch chuyển nhiều kể từ năm 2016. Nợ phải trả của PTB phần lớn là nợ ngắn hạn chiếm khoảng 94,4% tổng nợ phải trả năm 2021. Với tỷ lệ nợ của công ty thì mọi biến động của lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại đều sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay, từ đó làm lợi nhuận ròng của Công ty sụt giảm.

Do đó, Công ty cần phải quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty

Rủi ro pháp luật

Các công ty được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thì tất cả hoạt động kinh doanh đều chịu sự chi phối bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... Do vậy khi có sự thay đổi về Pháp luật và các quy định về quản trị công ty thì hoạt động quản trị, kinh doanh của công ty sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Bên cạnh đó, Công ty có hoạt động trong mảng bất động sản nên cũng sẽ chịu sự chi phối bởi Luật Đất đai, Luật Xây dựng,... các luật này sẽ ảnh hưởng đến tính thanh khoản của thị trường cũng như thời gian làm thủ tục và phương thức huy động vốn của Công ty.

Ngoài ra, Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về các chế độ chính sách, thiếu tính đồng bộ đã phần nào làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của công ty. Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường... do yếu tố khách quan là có khả năng xảy ra trong tương lai.

Công ty cam kết tuân thủ các quy định hiện hành; xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực. Công ty cũng thường xuyên cập nhật những thay đổi trong chính sách và quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp để giảm thiểu rủi ro tiêu cực của Luật tác động đến Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Kinh doanh, chế biến gỗ

Ngành chế biến gỗ phải chịu sự kiểm soát một cách thường xuyên đối với nguồn gốc gỗ hợp pháp đưa vào sử dụng như luật Lacey, Flegt nhằm tăng cường luật pháp, quản lý thương mại lâm sản khi xuất khẩu sang Mỹ và các nước Châu Âu. Yêu cầu kiểm soát chất lượng an toàn trong sản phẩm ngày càng nghiêm ngặt nên nếu Công ty không duy trì và đầu tư cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý thông tin đến khách hàng và nhà cung cấp thì rủi ro trả hàng, ngưng đơn hàng và bồi thường...có thể xảy ra. Ngoài ra, một số mặt hàng gỗ xuất khẩu sang Mỹ của Công ty chịu rủi ro bị Mỹ kết luận gian lận thương mại, dẫn đến bị áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp.

Theo đó, PTB duy trì và đầu tư thường xuyên cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý thông tin đến khách hàng để hạn chế các trường hợp ngưng đơn hàng, bồi thường có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường đầu tư mở rộng thị trường gắn liền với quá trình tái cơ cấu khách hàng, tận dụng tốt cơ hội dịch chuyển nhà cung ứng từ Trung Quốc sang các nước khu vực Đông Nam Á, các hiệp định thương mại giữa Châu Âu và Việt Nam... để mở rộng quy mô thị trường.

Hoạt động kinh doanh chế biến gỗ đóng góp khoảng 52,84 % doanh thu thuần trong năm 2021, nhu cầu khai thác sử dụng gỗ tăng cao nhưng gỗ lại là nguồn tài nguyên có hạn, về lâu dài thì nguồn tài nguyên gỗ sẽ tự nhiên có thể rơi vào tình trạng khan hiếm, khi đó chi phí đầu vào sẽ tăng cao.

Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota

Kinh doanh, phân phối xe Toyota là hoạt động đóng góp đáng kể khoảng 15,61% trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty. Mặc dù Toyota là hãng ô tô có sản lượng tiêu thụ xe hơi hàng đầu tại Việt Nam trong những năm qua, tuy nhiên, với sự tham gia thị trường của các hãng xe mới và việc mở rộng quy mô của các hãng xe sẵn có thì mức độ cạnh tranh sẽ ngày càng tăng.

Để củng cố trong lĩnh vực kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota trong thị trường trong nước và quốc tế, Công ty tiếp tục nỗ lực để hiện đại hóa, mang lại sản phẩm và dịch vụ vượt lên sự mong đợi của khách hàng; Chủ động xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách hàng, giữ vững thị phần.

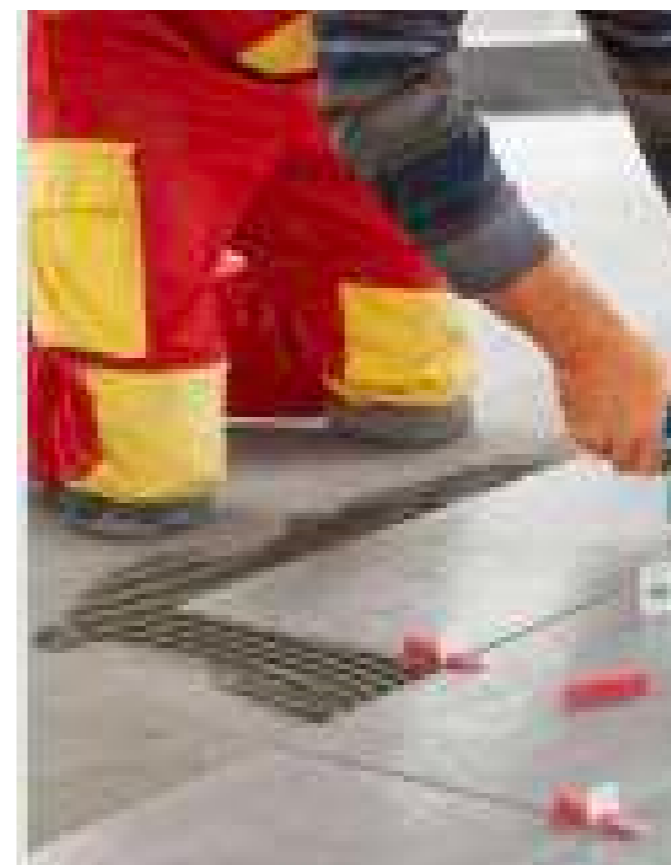


Khai thác, kinh doanh đá xây dựng, ốp lát

Lĩnh vực khai thác, chế biến đá đóng góp khoảng 22,39% trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2021. Nguyên liệu đầu vào chủ yếu là tự khai thác, đa dạng, màu sắc phong phú nên công ty cần trọng trong việc lựa chọn sản phẩm để mang ra thị trường.

Chi phí khai thác luôn là mối quan tâm với phần lớn doanh nghiệp nói chung và Phú Tài nói riêng. Chi phí khai thác có thể tăng lên do nhiều tác động như vấn đề lạm phát, Chính sách của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực đầu tư XDCB và khai thác tài nguyên, Những bất ổn về địa chính trị hoặc chính sách bảo hộ của các nước nhập khẩu sản phẩm đá của Công ty...ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng đề ra.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên theo dõi những biến động của các yếu tố kinh tế - xã hội - chính trị nhằm tiết kiệm chi phí khai thác. Đồng thời, Công ty cũng phát triển và mở rộng thêm thị trường mới, không quá tập trung cho một thị trường để khắc phục yếu tố rủi ro khi thị trường chịu tác động bất thường về kinh tế - chính trị hoặc chính sách phòng vệ thương mại. Hơn nữa, Công ty cũng chủ động đảm bảo nguồn cung cho phát triển dài hạn. Các mỏ đá của PTB hiện tại có trữ lượng rất lớn khoảng 53 triệu m³, chủ yếu là các mỏ đá màu và các mỏ đều còn hạn khai thác trên 20 năm. Điều này giúp công ty luôn chủ động và đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu để sản xuất.



Rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính chất khách quan như động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lũ, chiến tranh hay dịch bệnh tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động phần nào đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Vi thế, để hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty; duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng định kì, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra, xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó kịp thời.



CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình tài chính
- » Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGÀNH NĂM 2021



Ngành Gỗ

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam năm 2021 vào châu Mỹ đạt 9,3 tỷ USD, tăng 22% so với năm 2020, riêng thị trường Mỹ chiếm 8,7 tỷ USD, tăng hơn 22% so với năm 2021. Tiếp theo là thị trường châu Á, đạt 4,4 tỷ USD, tăng 16%. Đặc biệt là tốc độ tăng trưởng nhanh sang thị trường châu Mỹ đã góp phần thúc đẩy ngành chế biến, xuất khẩu gỗ Việt Nam có kết quả ấn tượng.

Nhìn chung trong năm 2021, ngành gỗ vẫn tăng trưởng tốt, nhờ sự nỗ lực duy trì sản xuất của doanh nghiệp trong khi dịch bùng phát tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước và sản xuất phục hồi nhanh sau khi nới lỏng giãn cách xã hội. Mặc dù phải chịu tác động tiêu cực của đại

dịch Covid-19, G&SPG của Việt Nam vẫn xuất khẩu sang 160 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Điều này cũng được hỗ trợ bởi các hiệp định thương mại tự do thương mại mà nước ta đã ký kết như EVFTA, UKVFTA, CPTPP,... Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã tạo ra làn sóng dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam, từ đó tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh mảng gỗ của PTB nói riêng và toàn ngành nói chung. Trong trường hợp Mỹ tiếp tục áp mức thuế nhập khẩu cao đối với các sản phẩm gỗ từ Trung Quốc (đặc biệt là các nhóm hàng HS 94), giai đoạn 2021 – 2025, lượng đơn hàng từ thị trường Mỹ của PTB được dự đoán vẫn sẽ tiếp tục gia tăng khi các khách hàng lớn tại Mỹ phải tiếp tục chuyển dịch đơn đặt hàng từ Trung Quốc sang các nhà sản xuất chế biến gỗ có chứng chỉ FSC tại Việt Nam.

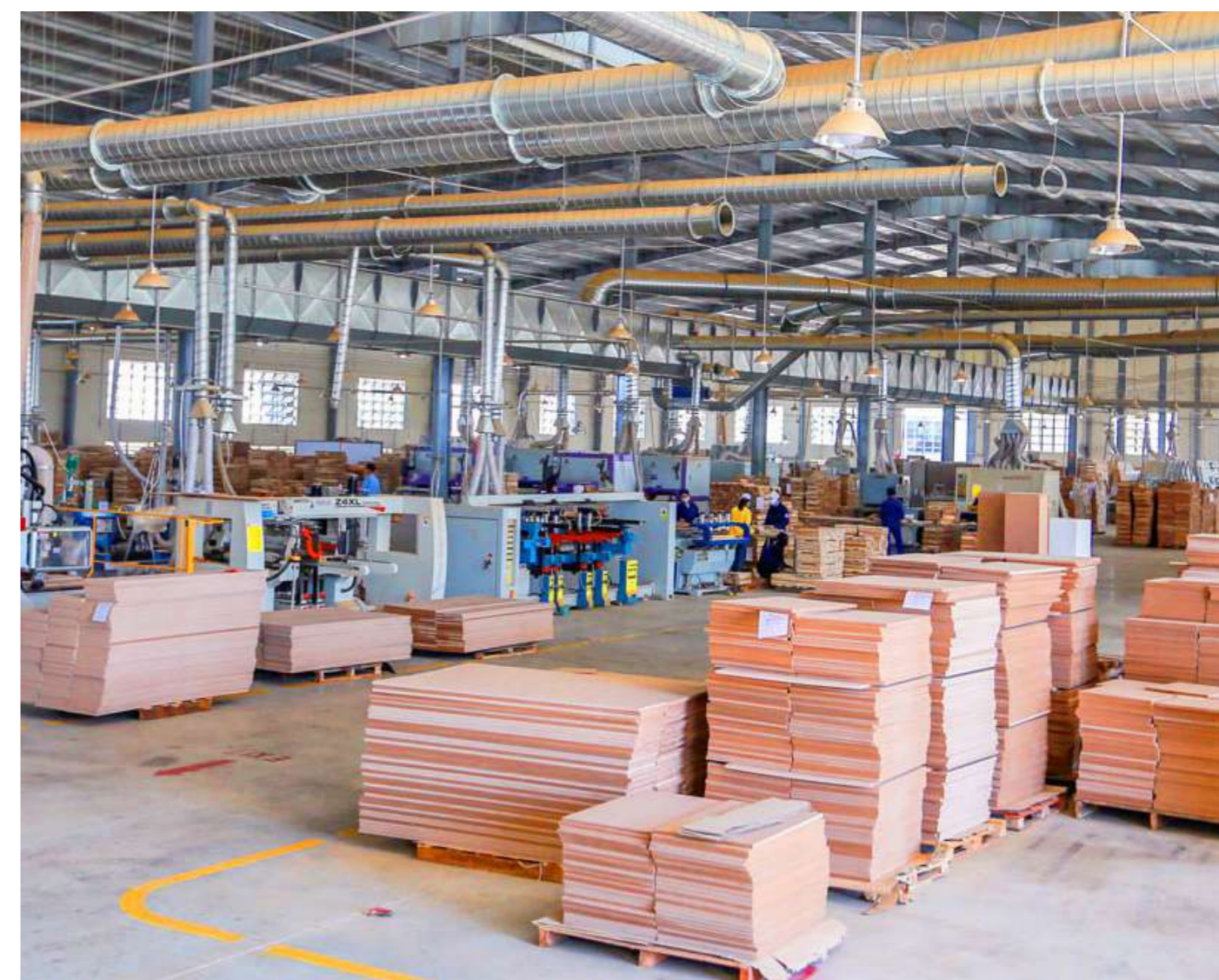
Động lực tăng trưởng của ngành gỗ tập trung lớn vào nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ. Trị giá xuất khẩu nhóm hàng này chiếm 69% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2021, đạt 9,7 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2020. Quy mô thị trường đồ nội thất bằng gỗ toàn cầu rất lớn và được dự báo tiếp tục tăng trong thời gian tới. Khi mà nhu cầu tiếp tục duy trì ở mức cao và nền kinh tế toàn cầu sẽ dần phục hồi.



Ngành Vật Liệu Xây Dựng

Bước qua năm 2021, dù chịu tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, khiến năng suất và sản lượng của ngành vật liệu xây dựng (VLXD) chịu không ít “lao đao” vì thiếu thị trường tiêu thụ, nhưng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn ghi nhận những kết quả khả quan, sản xuất ổn định, tăng trưởng dương bởi nhu cầu dồn nén từ năm 2020 đã tạo nên sự tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm.

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, chỉ số giá xây dựng trong năm 2021 đã tăng 5,39% so cùng kỳ năm 2020. Hơn nữa, ngày 18/8/2020, tại Quyết định 1266/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức ban hành Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất đá như PTB phát triển ngay từ đầu năm 2021.





Ngành Ô Tô

Thị trường ô tô Việt Nam vừa trải qua năm 2021 với nhiều biến động. Sự bùng phát của làn sóng dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 tại nhiều tỉnh, thành phố, cùng sự khởi phát của ô tô điện phần nào tác động đến thị hiếu, lựa chọn của người tiêu dùng, cùng với đó là hàng loạt đợt triệu hồi xe để khắc phục lỗi của các nhà sản xuất.

Trong bối cảnh khó khăn của ngành ô tô do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Chính phủ đã ban hành chính sách

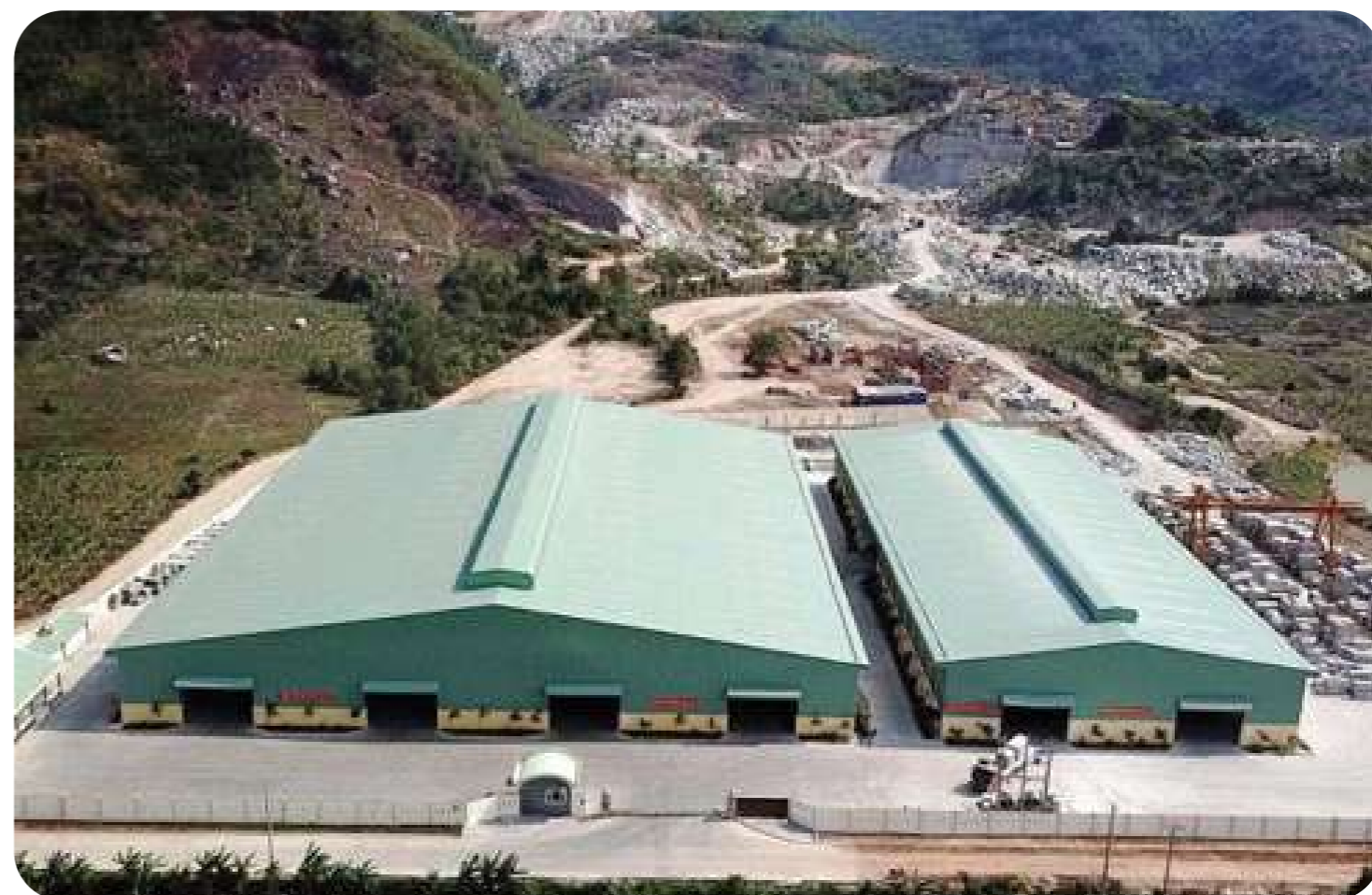
giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô lắp ráp, sản xuất trong nước. Theo đó, Nghị định 103/2021/NĐ-CP được Chính phủ ban hành, có hiệu lực ngay từ ngày 01/12/2021 đến 31/5/2022 quy định tính lệ phí trước bạ lần đầu với xe ô tô, rơ-moóc hoặc sơ mi rơ-moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự được sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với các loại xe này quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP và các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là lần thứ 2 trong vòng 2 năm trở lại đây, Chính phủ ban hành chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô lắp ráp, sản xuất trong nước. Trước đó, từ ngày 28/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020 chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ cũng đã được áp dụng, giúp thị trường ô tô Việt Nam có bước hồi phục mạnh mẽ.

Như vậy, tính toàn năm 2021, tổng cộng có 304.149 ô tô các loại được bán ra tại Việt Nam, cao hơn 2,5% so với mức 296.634 xe của năm 2020. Điều này cho thấy thị trường “bốn bánh” đang từng bước phục hồi, vượt qua khó khăn từ các làn sóng lây nhiễm Covid-19 từng nhiều lần gây gián đoạn hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Theo thống kê của VAMA, năm 2019 - thời điểm trước dịch, tiêu thụ ô tô nước ta đạt khoảng 322,3 nghìn xe.



Tình hình chung của PTB năm 2021

- Chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc đã tạo cơ hội cho ngành gỗ phát triển thị trường xuất khẩu do xu hướng chuyển dịch của thị trường từ Trung Quốc sang các nước khác, trong đó có Việt Nam ngày càng nhiều.
- Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp đã có những tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến sự trưởng kinh tế, môi trường kinh doanh trong và ngoài nước. Tuy nhiên, tiếp nối có hiệu lực của các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA, ... đã tạo điều kiện cho các phân ngành của nông nghiệp Việt Nam phát triển, thêm nhiều lợi thế trong tiếp cận các thị trường khó tính, cũng như gia tăng sức cạnh tranh đối với nhiều mặt hàng cùng loại của các quốc gia khác. Trong những ngành hàng này, ngành chế biến và xuất khẩu gỗ cũng không ngoại lệ.
- Thị trường tiêu thụ các ngành đá ốp lát, bất động sản bị suy giảm, giá cả sản phẩm có sự cạnh tranh gay gắt cũng như giá NVL đầu làm biên độ lợi nhuận ngành giảm. Phân khúc thị trường sản phẩm đá slabs chủ lực của ngành đá gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh giá tại thị trường trong nước và hàng nhập khẩu. Thị trường tiêu thụ xe ô tô không thuận lợi do tập trung xử lý sản lượng xe tồn kho năm 2020, như thực hiện giảm giá bán dẫn đến một số dòng sản phẩm bị thua lỗ. Thị trường bất động sản bị tác động tới tiến độ bàn giao bởi dịch COVID 19.
- Hoạt động lưu thông, giao dịch thương mại bị gián đoạn, chi phí vận tải tăng cao làm tăng chi phí SXKD và cước tàu biển.

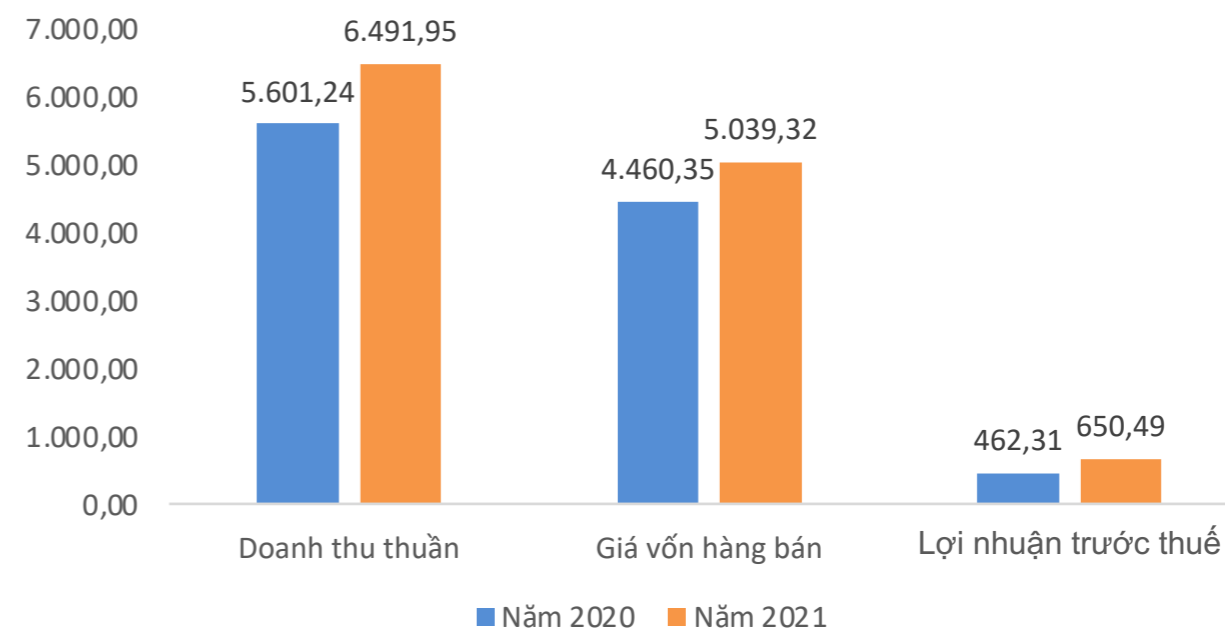


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	5.601,24	6.491,95	15,90%
2	Giá vốn hàng bán	4.460,35	5.039,32	12,98%
3	Lợi nhuận gộp	1.140,89	1.452,62	27,32%
4	Doanh thu từ HĐTC	23,79	61,22	157,34%
5	Lợi nhuận khác	22,82	12,37	-45,79%
6	Lợi nhuận trước thuế	462,31	650,49	40,70%
7	Lợi nhuận sau thuế	379,31	525,89	38,65%
8	EPS (đồng / cổ phiếu)	7,709	11,079	43,72%

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	7.000 tỷ đồng	6.580 tỷ đồng	94,00%
2	Lợi nhuận trước thuế	650 tỷ đồng	650,5 tỷ đồng	100,08%



Nhìn chung năm 2021, Công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh ổn định mặc dù bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh nhưng doanh thu thuần vẫn phát triển đạt mức 6.491,95 triệu đồng, tăng trưởng 15,90% so với cùng kỳ. Doanh thu từ hoạt động tài chính trong năm 2021 có sự tăng lên mạnh mẽ, tăng 157,36% so với năm ngoái nhờ vào việc công ty tham gia vào hoạt động đầu tư chứng khoán.

Tổng doanh thu và LNTT của công ty trong năm 2021 hoàn thành tốt chỉ tiêu đặt ra, cụ thể như doanh thu đạt 94% so với chỉ tiêu, Lợi nhuận trước thuế đạt 100,08% so với chỉ tiêu đề ra.

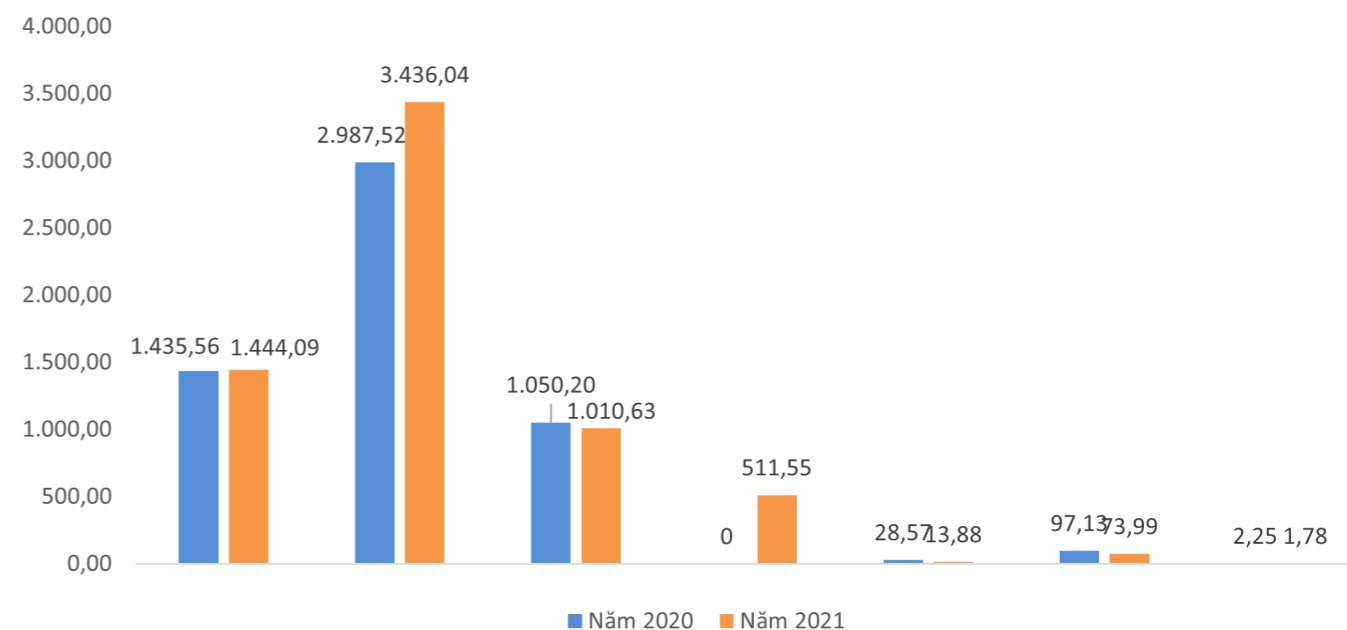
CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng
BÁN HÀNG HÓA, THÀNH PHẨM	5.501,85	98,21%	6.416,19	98,83%
Sản phẩm đá	1.435,56	25,67%	1.444,09	22,24%
Sản phẩm gỗ	2.987,52	53,57%	3.436,04	52,93%
Xe ô tô Toyota	1.050,20	18,73%	1.010,63	15,57%
Bất động sản	-	-	511,55	7,88%
Khác	28,57	0,24%	13,88	0,21%
CUNG CẤP DỊCH VỤ	99,38	1,79%	75,77	1,17%
Sửa chữa xe TOYOTA	97,13	1,73%	73,99	1,14%
Cho thuê văn phòng, nhà xưởng	2,25	0,06%	1,78	0,03%
TỔNG CỘNG	5.601,23	100%	6.491,95	100%

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC



Năm 2021, doanh thu thuần của Công ty Phú Tài có sự tăng trưởng đạt mức 6.491,95 tỷ đồng, tăng 15,90% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ vào sự đóng góp từ các mảng kinh doanh chính chiếm tới 98,83%, doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 1,17%. Nhìn chung, Công ty đã có những biện pháp ứng phó hiệu quả trước tình hình dịch bệnh khó khăn, điều đó đã được chứng minh khi PTB duy trì sự tăng trưởng ổn định qua các năm.



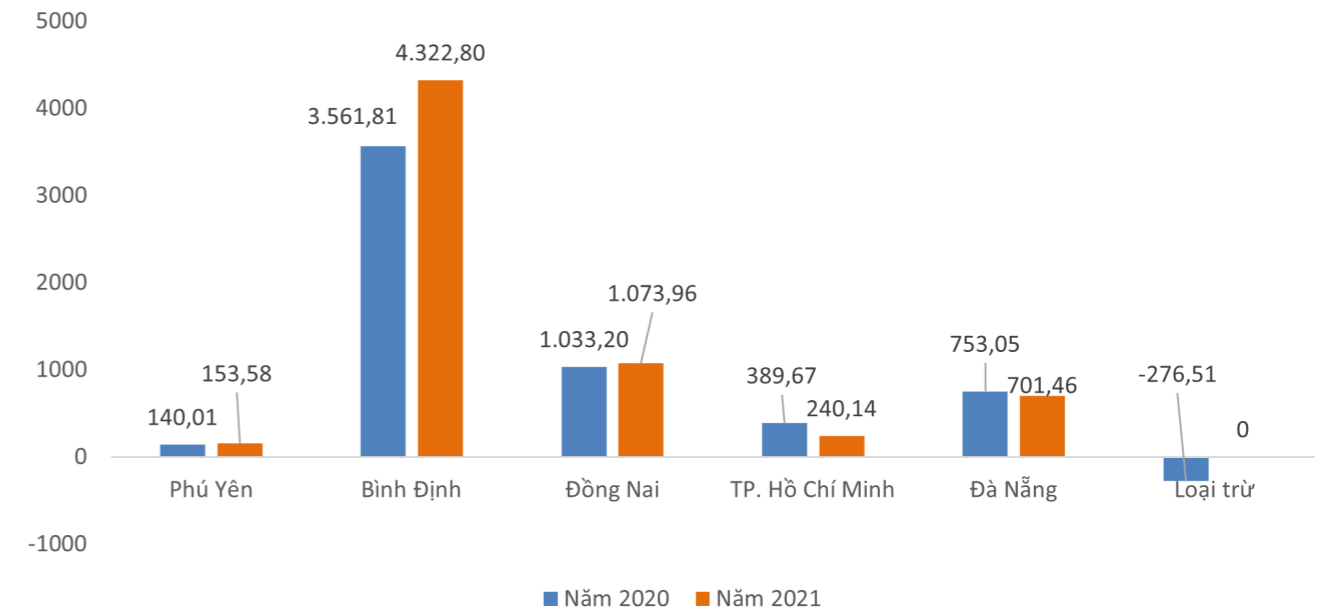
CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng
Phú Yên	140,01	2,50%	153,58	2,37%
Bình Định	3.561,81	63,59%	4.322,80	66,59%
Đồng Nai	1.033,20	18,45%	1.073,96	16,54%
TP. Hồ Chí Minh	389,67	7,00%	240,14	3,70%
Đà Nẵng	753,05	13,44%	701,46	10,81%
Loại trừ	(276,51)	(4,98%)	-	-
Toàn doanh nghiệp	5.601,24	100%	6.491,94	100%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ



Địa bàn kinh doanh chủ yếu của PTB nằm tại các tỉnh như Phú Yên, Bình Định, Đồng Nai, TP.HCM và Đà Nẵng. Trong đó, Bình Định là tỉnh dẫn đầu với tỷ trọng cao nhất là 66,59% tổng doanh thu trên toàn thị trường. Tiếp theo đó là Đồng Nai và Đà Nẵng lần lượt ở vị trí thứ 2 và thứ 3 với tỷ trọng lần lượt là 16,54% và 10,81% tổng doanh thu trên toàn thị trường.

Doanh thu của tỉnh Bình Định trong năm 2021 có sự tăng trưởng rõ rệt, tăng 21,37% so với năm ngoái, các tỉnh còn lại thì có xu hướng giảm xuống nguyên nhân chủ yếu là do các tỉnh thành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các hoạt động phòng chống dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh trên toàn tỉnh bị gián đoạn thường xuyên, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu bán hàng của Công ty tại khu vực này.



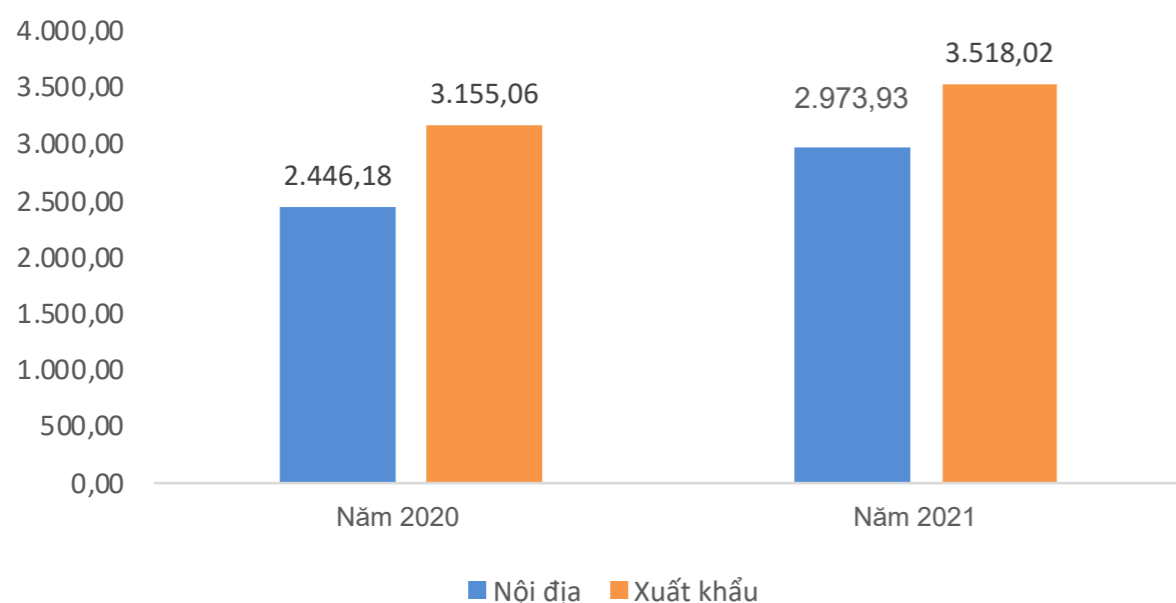
CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

THỊ TRƯỜNG	2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng
Nội địa	2.446,18	43,67%	2.973,93	45,79%
Xuất khẩu	3.155,06	56,33%	3.518,02	54,21%
Tổng cộng	5.601,24	100%	6.491,95	100%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG



Nhìn chung năm 2021, Thị trường nội địa và nước ngoài duy trì ở mức ổn định. Ở thị trường Nội địa, doanh thu đạt mức 2.973,93 tỷ đồng tăng 21,49% so với năm 2020 đóng góp hơn 45% vào cơ cấu doanh thu. Ở thị trường Xuất khẩu ghi nhận doanh thu tăng đạt mức 3.518,02 tỷ đồng, tăng 11,50% so với năm ngoái và đóng góp vào cơ cấu cơ cấu doanh thu hơn 54%. Việc duy trì kết quả doanh thu xuất khẩu trong năm nay do Công ty tận dụng tốt các cơ hội từ việc các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực dẫn đến cơ hội đến từ các thị trường Nhật, EU đặc biệt là Mỹ để đem lại lợi nhuận từ các đơn hàng xuất khẩu các sản phẩm gỗ nội thất..

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ông Lê Văn Thảo	Tổng Giám đốc	4.010.258	8,25%
2	Ông Trần Thanh Cung	Phó Tổng Giám đốc	2.073.930	4,27%
3	Ông Phan Quốc Hoài	Phó Tổng Giám đốc	928.774	1,91%
4	Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Phó Tổng Giám đốc	2.848.450	5,86%
5	Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan	Kế toán trưởng	218	0,00%

THÔNG TIN VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÊ VĂN THẢO – TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh ngày : 10/10/1971
 Nơi sinh : Duy Trì - Tiêu Phước - Bình Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Phường Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn, Bình Định
 Trình độ học vấn : Cử nhân kinh tế - *Chuyên ngành* : Quản trị kinh doanh

Ông TRẦN THANH CUNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh ngày : 02/05/1957
 Nơi sinh : Tịnh Sơn - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 262A Nguyễn Thái Học - TP Quy Nhơn
 Trình độ học vấn : Trung cấp lý luận chính trị

THÔNG TIN VỀ BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Ông PHAN QUỐC HOÀI – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh ngày : 17/05/1967
 Nơi sinh : Bắc Giang - Hà Bắc
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Phường Trần Quang Diệu, Quy Nhơn
 Trình độ học vấn : Kỹ sư Lâm nghiệp

Ông NGUYỄN SỸ HÒE – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

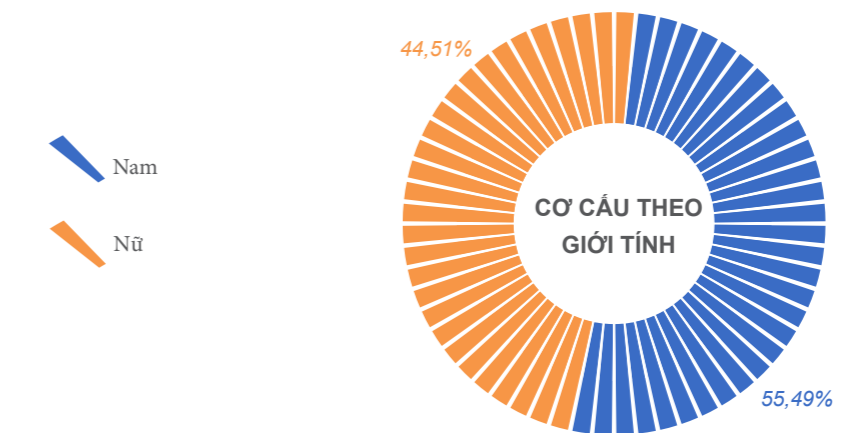
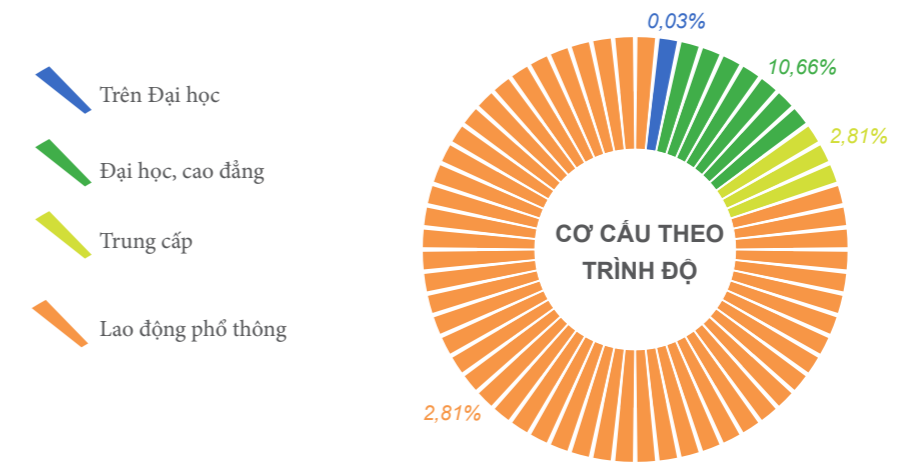
Sinh ngày : 02/09/1970
 Nơi sinh : Diễn Hải - Diễn Châu - Nghệ An.
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 102 Vũ Bảo, P. Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định
 Trình độ học vấn : Kỹ sư Lâm nghiệp

Bà NGUYỄN THỊ MỸ LOAN – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh ngày : 02/02/1976
 Nơi sinh : Quy Nhơn - Bình Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 556 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định
 Trình độ học vấn : Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

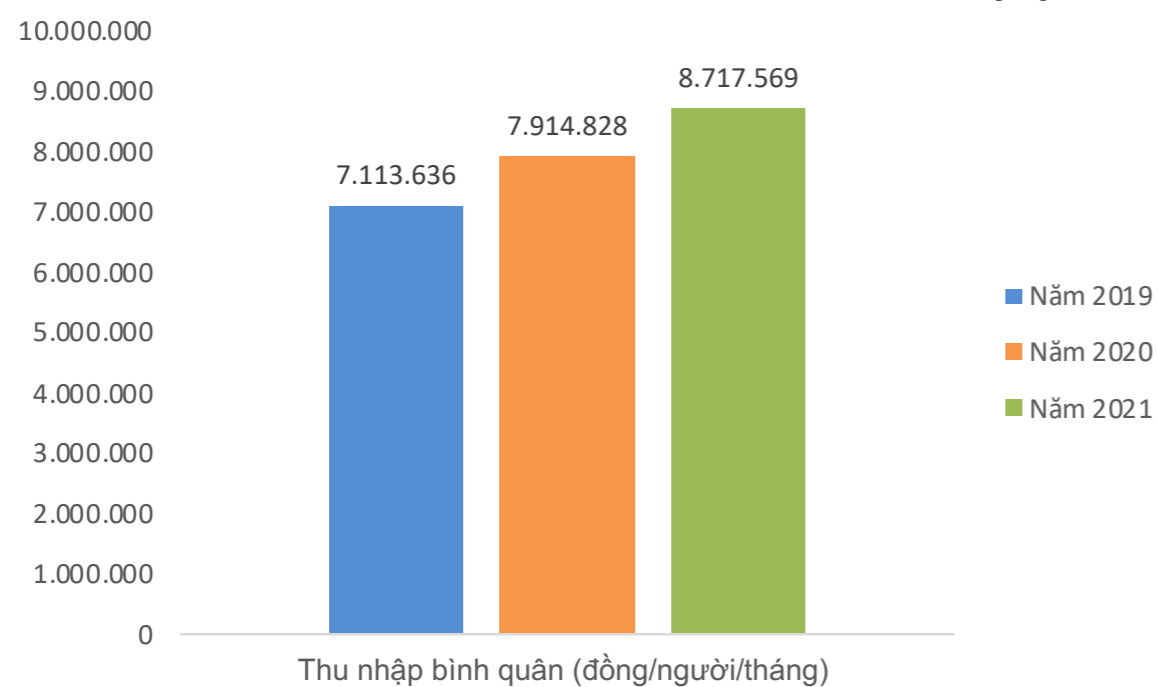
STT	Tiêu chí	Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	7408	100,00%	7019	100,00%
1	Trình độ Trên Đại học	1	0,01%	2	0,03%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	682	9,21%	748	10,66%
3	Trình độ trung cấp	200	2,70%	197	2,81%
4	Lao động phổ thông	6525	88,08%	6072	86,51%
II	Theo giới tính	7408	100,00%	7109	100,00%
1	Nam	4249	57,36%	3945	55,49%
2	Nữ	3159	42,64%	3164	44,51%



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	6.317	7.408	7.019
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.113.636	7.914.828	8.717.569
Tốc độ tăng trưởng	2,1%	11,3%	10,14%

Đơn vị tính: Đồng/ người/ tháng



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ/NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Với những hình thức đào tạo trên, Công ty đã tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực bản thân, kỹ năng làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất lượng lao động. Hàng năm, Công ty duy trì việc đào tạo nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức cho cán bộ nhân viên quản lý tham gia các khóa học về kiến thức quản lý, chuyên môn.



Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu của công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng tiêu chí tuyển dụng cụ thể để đáp ứng yêu cầu chung là đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, trung thực, sáng tạo

Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả kinh doanh thực hiện, kết hợp với giá trị công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng của nền kinh tế, xã hội như: mặt bằng thị trường từng địa phương, hệ số trượt giá, tăng trưởng về thu nhập bình quân. Thực hiện chính sách chi trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc.

Thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước.

Chính sách khen thưởng – kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động. Người lao động làm việc được ký kết hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hưởng chế độ ốm đau, thai sản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, được trang bị bảo hộ lao động, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Tên dự án	Tổng giá trị phê duyệt	Tổng giá trị thực hiện	Giá trị phát sinh tăng (+) / Giảm (-)	Ghi chú
	Các dự án được phê duyệt	363.437.799.669	344.327.079.185		
1	Nhà máy bột Thạch Anh	90.000.000.000	67.283.848.117		Dự án đang triển khai, Tổng giá trị đầu tư tính đến thời điểm hiện tại
2	Nhà máy chế biến gỗ nội thất (GD1)	236.832.449.669	240.545.281.780	3.712.832.111	
3	Nhà kho thành phẩm 02 tầng (XN Thăng Lợi)	36.605.350.000	36.497.949.288	-107.400.712	

Các dự án đầu tư năm 2021	Giá trị quyết toán (triệu đồng)	Nội dung thực hiện
1	74.056	Đầu tư mở rộng quy mô, bổ sung máy móc thiết bị nâng công suất các nhà máy ngành đá.
2	24.924	Xây dựng nhà kho thành phẩm tại xí nghiệp Thăng Lợi.
3	254.077	Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ & một số hạng mục phụ trợ - công ty gỗ Phú Tài Bình Định.
4	49.807	Đầu tư mở rộng quy mô, bổ sung máy móc thiết bị nâng công suất cho các nhà máy chế biến gỗ.
5	3.072	Mua sắm xe phục vụ khách hàng chạy thử của ngành ô tô.
Tổng cộng	405.936	



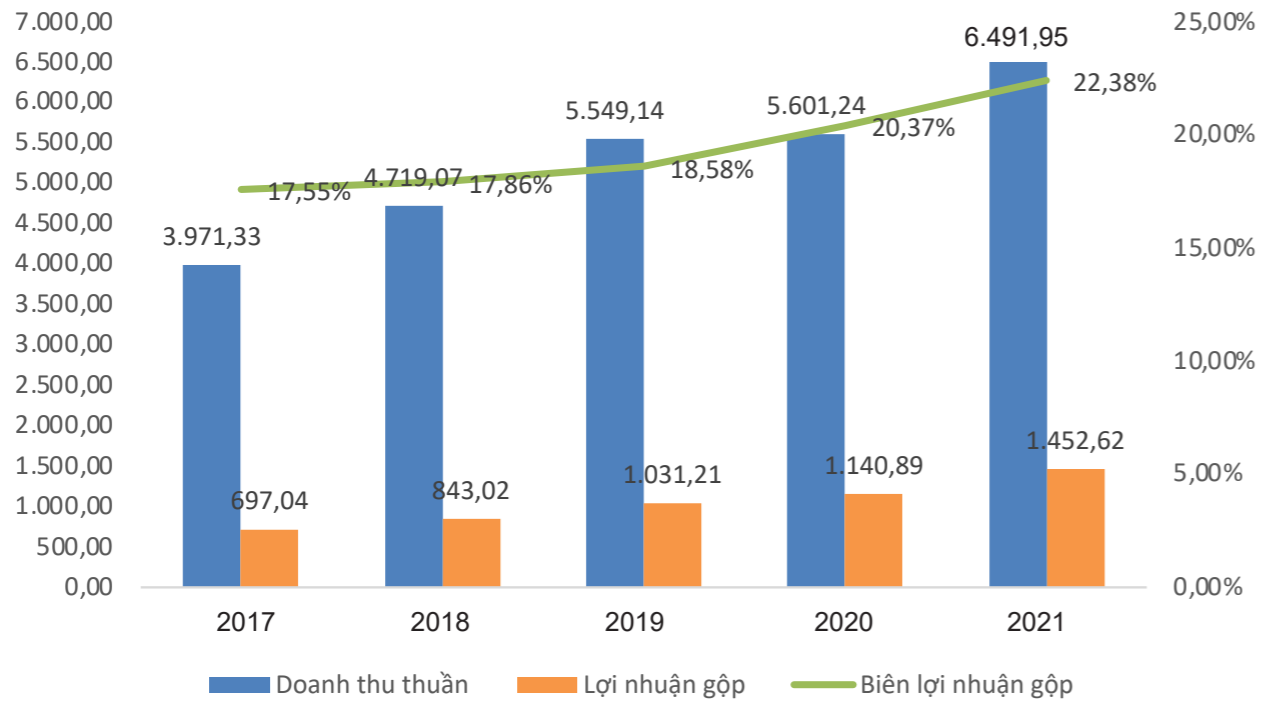
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DOANH THU VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP GIAI ĐOẠN 2017 – 2021

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu thuần	3.971,33	4.719,07	5.549,14	5.601,24	6.491,95
Lợi nhuận gộp	697,04	843,02	1.031,21	1.140,89	1.452,62
Biên lợi nhuận gộp	17,55%	17,86%	18,58%	20,37%	22,38%

DOANH THU VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP GIAI ĐOẠN 2017 – 2021



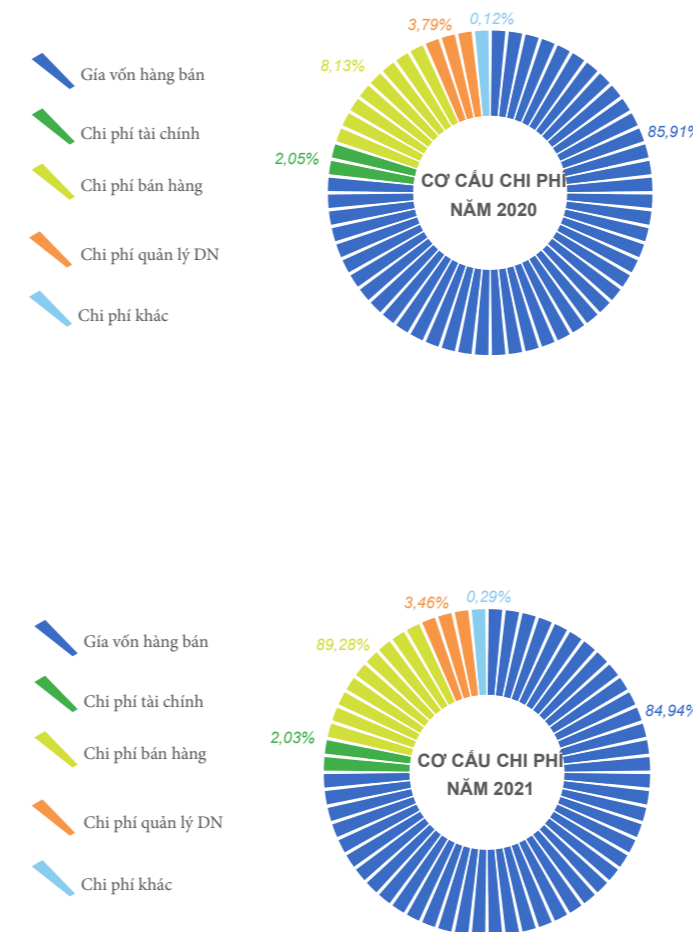
Năm 2021, tuy phải chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch Covid 19 nhưng công ty đã phát triển mạnh mẽ vượt bậc mang về doanh thu thuần cao nhất trong 5 năm gần đây đạt đỉnh 6.491,95 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp theo đó cũng tăng mạnh đạt con số kỷ lục 1.452,62 tỷ đồng.

Nhờ vào việc nắm bắt được nhu cầu cũng như cơ hội phát triển ở thị trường trong và ngoài nước đặc biệt là thị trường Mỹ. Ngoài ra, ghi nhận một phần dự án Chung cư cao tầng hồ sinh thái đầm Đổng Đa.

CHI PHÍ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	%2021/2020
Giá vốn hàng bán	4.460,35	85,91%	5.039,32	84,94%	112,98%
Chi phí tài chính	106,38	2,05%	120,10	2,03%	112,92%
Chi phí bán hàng	422,11	8,13%	550,49	9,28%	130,42%
Chi phí quản lý DN	196,70	3,79%	205,12	3,46%	104,28%
Chi phí khác	6,14	0,12%	11,13	0,29%	181,39%



Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, các chỉ tiêu chi phí của PTB có xu hướng tăng mạnh. Trong đó, giá nguyên vật liệu tiếp tục tăng mạnh cụ thể giá các loại gỗ nguyên liệu phổ biến là keo, bạch đàn và gỗ cao su đều tăng từ 15-20% so với cùng kì, đối với gỗ cao su, giá mùn cao su tăng cao dẫn đến việc chặt và thanh lý cây cao su giảm mạnh gây nên sự khan hiếm loại gỗ này. Đối với nguồn gỗ nhập khẩu cũng tăng khoảng 13% so với cùng kì do nhu cầu sử dụng đồ gỗ tăng mạnh vì chủ yếu dân số thế giới làm việc ở nhà nhưng nguồn cung gỗ lại giảm do giãn cách và khu vực khai thác dùng để phòng chống dịch. Do đó, giá vốn hàng bán trong năm 2021 tăng mạnh lên tới 5.039,39 tỷ đồng, tăng 12,93% so với năm 2020. Chi phí bán hàng tăng 30,41% đạt mức 550,50 tỷ đồng trong năm 2021 do chi phí nguyên liệu, vật liệu tăng hơn 35 tỷ đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng hơn 25 tỷ chủ yếu bị ảnh hưởng bởi giá cước vận chuyển tăng cao... Về chi phí tài chính tăng ở mức 120,10 tỷ đồng tương đương với 12,92% so với cùng kì do có phát sinh thêm khoản vay để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

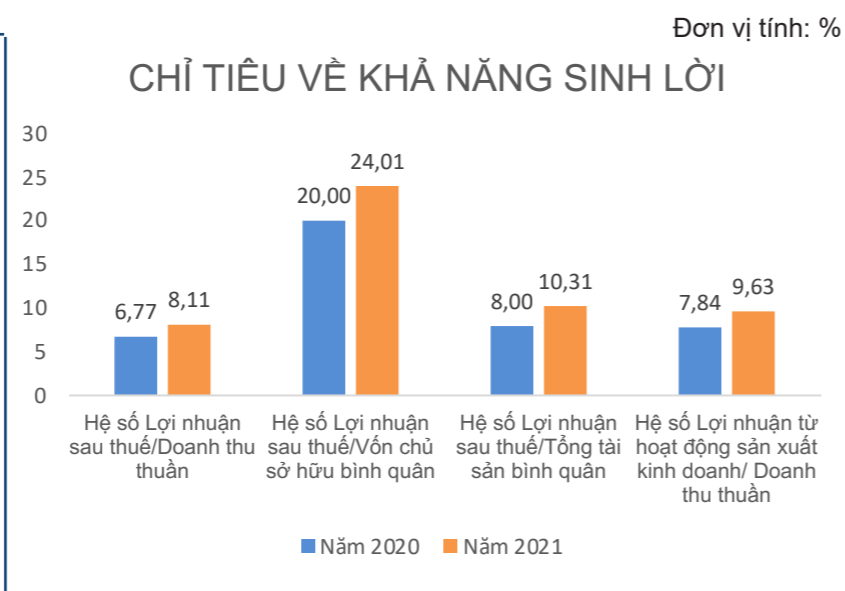
CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,17
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,50
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	58,29	55,96
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	139,73	127,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,75	3,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,94	1,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,77	8,11
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,00	24,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,00	10,31
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,84	9,63

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

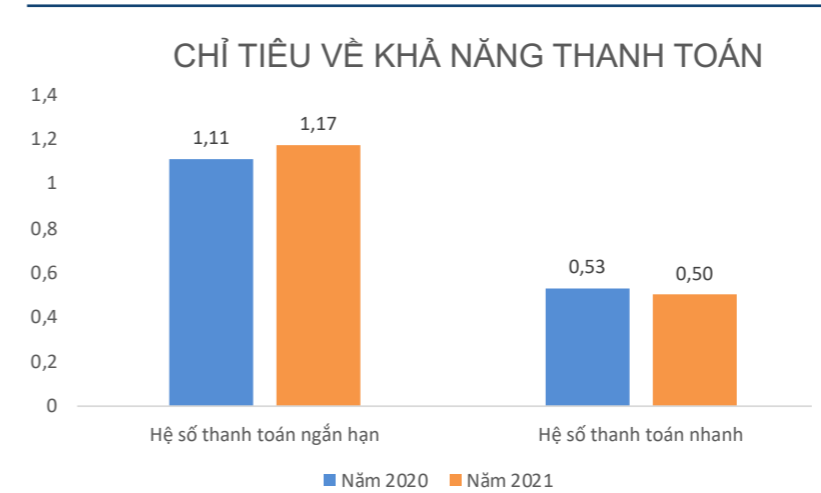
Nhìn chung, năm 2021 vừa qua PTB đã nắm bắt cơ hội ở mảng gỗ, đặc biệt là thị trường Mỹ nên PTB có bước phát triển tăng trưởng mạnh mẽ. Ngành đá PTB cũng đã hưởng lợi từ nhu cầu xây dựng nhà ở tăng trở lại sau dịch năm 2020 tuy nhiên vẫn không tăng trưởng mạnh vì vẫn bị ảnh hưởng ở cuối 2021. Mảng BDS, PTB cũng ghi nhận Doanh Thu từ dự án Chung cư cao tầng Đồng Đa cũng đem lại LN cao và còn khả năng ghi nhận vào năm 2022.

Khả năng sinh lợi của PTB được cải thiện tăng lên một cách rõ rệt. Cụ thể, hai hệ số quan trọng là ROE tăng lên 24,01% và chỉ số ROA tăng lên 10,31%. Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt mức 9,63% trong năm vừa qua. Qua đó có thể thấy PTB có vẫn luôn duy trì và tận dụng những cơ hội từ thị trường nước ngoài để đảm bảo sự tăng trưởng của công ty trong trung và dài hạn.



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Đơn vị tính: lần



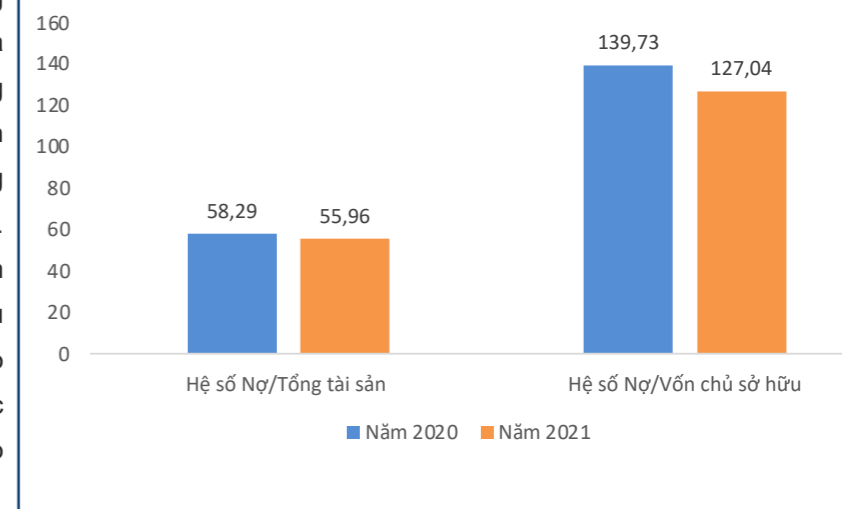
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đang ở trong mức ổn định. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,11 lần lên 1,17 lần nhờ vào trong năm tài sản ngắn hạn của PTB tăng mạnh do các khoản phải thu tăng đạt 929,48 tỷ đồng tăng 12,77% so với năm 2020 đến từ các khoản phải thu khách hàng lớn của PTB, cùng với đó hàng tồn kho cũng tăng 24,24% so với thời điểm đầu kì từ việc có dự án Chung cư cao tầng Đồng Đa. Tuy nhiên, HTK tăng mạnh dẫn đến việc hệ số thanh toán nhanh của PTB có xu hướng giảm nhẹ từ 0,53 lần xuống còn 0,50 lần.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Đơn vị tính: %

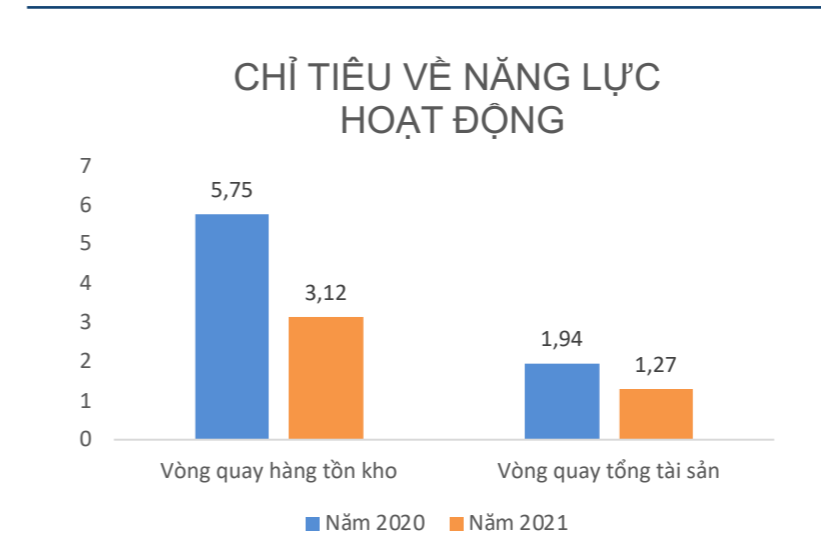
Trong năm 2021, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có xu hướng giảm, cụ thể hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 58,29% xuống còn 55,96% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm 139,73% xuống 127,04%. Mặc dù trong năm phát sinh khoản vay để phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng PTB đã hoàn thành dự án Chung Cư Đồng Đa. Bên cạnh đó, trong năm PTB phát sinh thêm khoản tăng vốn từ khoản vốn góp khác từ chủ sở hữu giúp cho PTB giảm đi sự phụ thuộc vào khoản nợ vay, nên chỉ số về cơ cấu vốn được cải thiện hơn, nâng cao năng lực tài chính cho PTB.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Đơn vị tính: vòng



Về năng lực hoạt động, PTB đã có một năm nhiều cố gắng để vượt qua dịch Covid-19 một cách thuận lợi tuy nhiên trong năm 2021, Chung cư cao tầng hồ sinh thái đầm Đồng Đa chỉ mới hoàn thiện và đang bàn giao cho khách hàng nhưng do tình hình dịch bệnh quá trình bàn giao gặp nhiều khó khăn nên hàng tồn kho tăng mạnh dẫn đến chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,75 vòng xuống 3,12 vòng. Cũng như là PTB đã phát huy được thế mạnh ở thị trường xuất khẩu khiến cho KPT từ các khách hàng lớn tăng lên so với năm 2022.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU



Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Phú Tài
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	PTB
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	48.599.441 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	38.150.173	381.501.730.000	78,50
1	Cá nhân	36.117.469	361.174.690.000	74,32
	Ông Lê Vỹ	6.309.188	63.091.880.000	12,98
	Ông Lê Văn Thảo	4.010.258	40.102.580.000	8,25
	Ông Lê Văn Lộc	2.969.604	29.696.040.000	6,11
	Ông Nguyễn Sỹ Hòe	2.848.450	28.484.500.000	5,86
	Các cổ đông khác	19.979.969	199.799.690.000	41,11
2	Tổ chức	2.032.704	20.327.040.000	4,18
II	Cổ đông nước ngoài	10.449.268	104.492.680.000	21,50
1	Cá nhân	993.807	9.938.070.000	2,04
2	Tổ chức	9.455.461	94.554.610.000	19,46
Tổng cộng		48.599.441	485.994.410.000	100

* Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

NHỮNG THAY ĐỔI TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, Công ty cổ phần Phú Tài không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.





CHƯƠNG 3

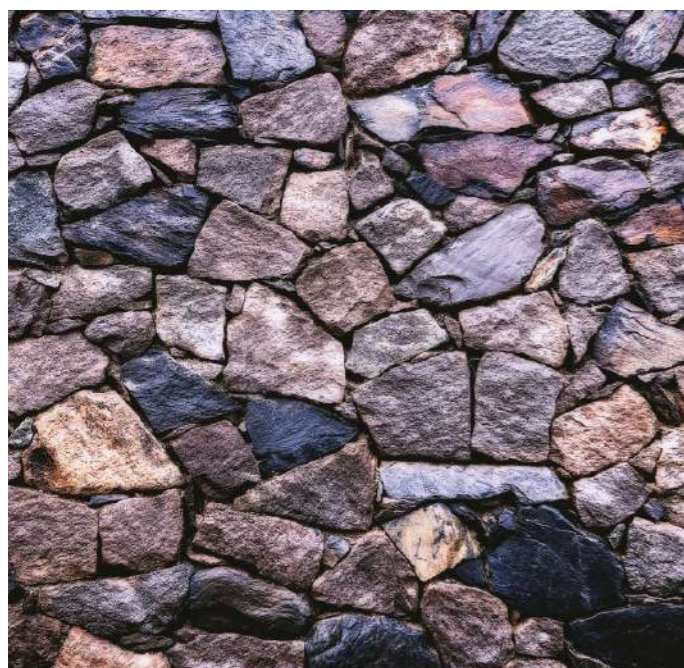
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- » Tình hình tài chính
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MẢNG GỖ

Mảng gỗ tiếp tục tăng trưởng mạnh đặc biệt là vào thị trường Mỹ góp phần tăng xuất siêu lớn của hàng Việt Nam vào thị trường này, nguy cơ về việc Mỹ áp dụng chính sách phòng vệ thương mại đối với hàng hoá Việt Nam (trong đó có sản phẩm gỗ) đang hiện hữu, sẽ có ảnh hưởng không thuận lợi đến xuất khẩu sản phẩm gỗ và công tác đầu tư phát triển cho ngành gỗ trong thời gian tới.



MẢNG ĐÁ

Năm 2021, mảng đá tăng trưởng, có nhà máy đá thạch anh nhân tạo đi vào hoạt động; thị trường xuất khẩu là chủ yếu. Phú Tài luôn liên tục mua, tích lũy mỏ đá, mở rộng các nhà máy nâng cao công suất qua M&A. Chi phí vận chuyển đá thường rất cao do cân nặng một khối đá đặc nguyên khai nặng khoảng 2,75 tấn. Các nhà máy của PTB đều nằm rất gần các mỏ đá giúp PTB giảm được chi phí vận chuyển trong chi phí sản xuất.

Chủ động và đảm bảo nguồn cung cho phát triển dài hạn, các mỏ đá của PTB hiện tại có trữ lượng rất lớn khoảng 53 triệu m³, chủ yếu là các mỏ đá màu và các mỏ đều còn hạn khai thác trên 20 năm. Điều này giúp công ty luôn chủ động và đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu để sản xuất.

Công ty đang đánh giá tính khả thi đối với việc đầu tư dự án nhà máy nguyên liệu bột thạch anh để chủ động và đảm bảo an ninh từ nguồn nguyên liệu trong nước, hạn chế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong và ngoài nước. Công ty và các đơn vị thành viên đã có nhiều nỗ lực duy trì thị trường truyền thống và phát triển khách hàng mới. Tổ chức đánh giá lại công tác thị trường cũng như đề ra các giải pháp thay đổi về phương thức tiếp cận.
- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt theo thời điểm, phù hợp với từng nhóm khách hàng. Chú trọng đầu tư, phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao nhằm chủ động nguồn hàng cung cấp ra thị trường.
- Thị trường sản phẩm bất động sản đưa vào hoạt động và đem về doanh thu 511,5 tỷ đồng trong năm 2021.
- Công ty có các biện pháp kiểm soát: Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hệ thống và thường xuyên.
- Các hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình quản lý chi phí sản xuất thường xuyên được đánh giá, cải tiến cho phù hợp với quy mô sản xuất và công nghệ áp dụng.
- Áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đến từng bộ phận sản xuất; Tăng cường tối đa khả năng phát hiện và điều chỉnh kịp thời lỗi của sản phẩm; Duy trì việc đánh giá, cải tiến, áp dụng thực tiễn các hệ thống quản lý chất lượng ISO9001:2008, COC, FSC.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
Tài sản ngắn hạn	1.415,41	2.096,12	2.440,61	2.738,23	3.179,84	116,13%
Tiền và các khoản tương đương tiền	55,42	67,04	126,52	167,78	135,87	80,97%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	49,30	157,55	50,45	112,60	53,65	47,64%
Hàng tồn kho	720,51	1.020,17	1.321,76	1.440,42	1.859,25	129,08%
Các khoản phải thu ngắn hạn		441,23	254,12	824,19	929,14	112,73%
Tài sản ngắn hạn khác	72,28	120,40	202,78	193,23	201,92	104,5%
Tài sản dài hạn	1.166,02	1.303,12	1.888,08	2.035,53	2.251,04	110,59%
Tài sản cố định	994,50	1.081,39	1.479,73	1.462,75	1.780,22	121,70%
Tài sản dở dang dài hạn	66,28	93,46	158,11	249,58	113,45	45,46%%
Tài sản dài hạn khác	95,96	113,35	226,46	293,30	319,07	108,76%
Tổng tài sản	2.581,43	3.399,24	4.328,69	4.773,76	5.430,88	113,77%

Tính đến thời điểm 31/12/2021 giá trị tài sản của PTB có sự biến động tăng mạnh đạt mức 5.430,88 tỷ đồng, tăng 13,77% so với đầu năm và đạt con số lớn nhất trong khoảng 5 năm trở lại đây. Về cơ cấu tài sản, tỷ trọng đóng góp của tài sản dài hạn không có sự thay đổi nhiều bằng tỷ trọng đóng góp của tài sản ngắn hạn.

Ở khoản mục tài sản ngắn hạn, đạt mức 3.179,84 tỷ chiếm 58,55% tổng tài sản so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng này đến sự đóng góp hàng tồn kho đạt 1.859,25 tỷ đồng tăng 29,08% so với cùng kỳ và cụ thể là Chung cư cao tầng

hồ sinh thái đầm Đổng Đa đã hoàn thành. Bên cạnh đó, khoản phải thu đạt mức 929,14 tỷ đồng, tương đương với +12,73% so với năm 2020 đến từ các khách hàng như Masterbrand Cabinets INC, Yaraghi LLC,...

Tài sản dài hạn, có sự biến động nhẹ khi chỉ tăng 10,59% so với cùng kỳ đạt mức 2.251,04 tỷ đồng nhờ vào việc trong kỳ phát sinh thêm việc mua sắm máy móc, thiết bị cùng với việc đầu tư XD CB đã hoàn thành nên tài sản dài hạn đạt được con số trên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
Nợ phải trả	1.484,94	1.740,06	2.483,18	2.783,13	3.040,14	109,23%
Nợ ngắn hạn	1.379,86	1.657,27	2.252,70	2.462,28	2.664,56	108,21%
Nợ dài hạn	105,09	82,79	230,48	320,85	375,58	117,06%
Vốn chủ sở hữu	1.096,48	1.659,19	1.845,52	1.990,63	2.390,73	120,10%
Vốn góp chủ sở hữu	259,20	485,99	485,99	485,99	485,99	100,00%
LNST chưa phân phối	337,74	385,46	445,73	380,06	535,48	140,89%
Tổng Nguồn Vốn	2.581,43	3.399,24	4.328,69	4.773,76	5.430,88	113,77%

Nhìn chung, nguồn vốn năm 2021 của PTB có sự tăng mạnh hơn so với năm 2019, 2020 tăng 13,77% đạt mức 5.430,88 tỷ đồng.

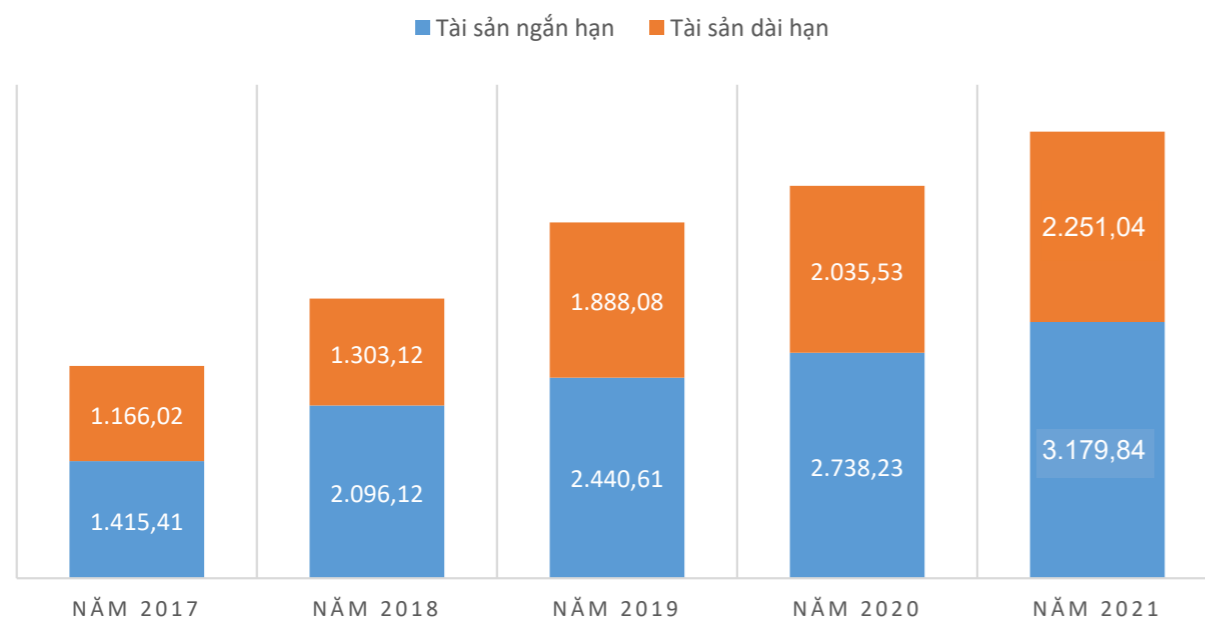
Năm năm trở lại đây, nợ phải trả của PTB có xu hướng tăng dần qua từng năm. Trong năm 2021, nợ phải trả tăng lên 9,23% so với năm 2020 đạt mức 3.040,14 tỷ đồng do nợ ngắn hạn và nợ dài hạn cũng có đều tăng lên. Năm 2021, nợ ngắn hạn đạt mức 2.664,56 tỷ đồng tương đương tăng 9,23% so với năm ngoái, các khoản nợ này chủ yếu từ các khoản vay của Công ty TNHH Hoàng Giang, công ty TNHH Thành Danh.. và khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh như là mua máy móc thiết bị. Nợ dài hạn tăng lên 375,59

tỷ đồng tương đương tăng 17,06% so với cùng kỳ do trong kỳ PTB phát sinh thêm khoản vay để đầu tư mở rộng nhà máy.

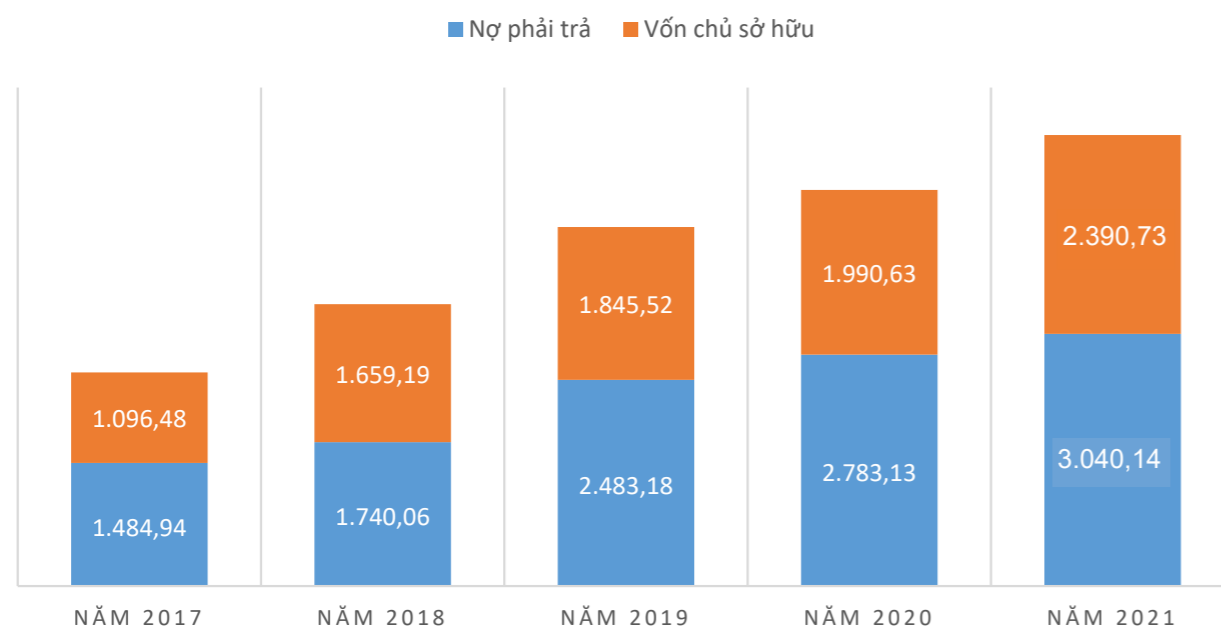
Về vốn chủ sở hữu cũng có xu hướng tăng lên cụ thể đạt mức 2.390,73 tỷ đồng tương đương tăng 20,10% so với năm 2020 nhờ vào việc tăng trưởng mạnh của PTB trong năm doanh thu tăng đạt đỉnh trong 5 năm gần đây giúp cho LNST chưa phân phối cũng tăng mạnh, đạt mức 535,47 tỷ đồng tăng 40,89% so với năm 2020 cùng với trong kỳ có phát sinh thêm 241,93 tỷ đồng của khoản trích bổ sung vốn khác của chủ sở hữu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU NGUỒN VỐN (TỶ ĐỒNG)



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- » Đẩy mạnh đầu tư chiều sâu cho công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ngành chế biến đá và chế biến gỗ.
- » Việc đầu tư bổ sung cho các ngành sản xuất hiện có cũng như các dự án mới, ngành nghề mới theo chiều sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao khả năng cạnh tranh và giảm thiểu tác động môi trường.
- » Quản lý, kiểm soát chuỗi cung ứng vật tư – nguyên liệu đầu vào chặt chẽ trong điều kiện yêu cầu về số lượng, chất lượng ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu.
- » Đảm bảo chất lượng đối với nhân sự quản lý cao cấp cũng như tạo nguồn kế cận, đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong thời gian tới.





CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- » Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- » Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai và định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



- Công ty đã có sự chuẩn bị tốt và quyết tâm cao, linh hoạt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021, thích ứng với sự thay đổi nhanh của môi trường kinh doanh. Sử dụng hợp lý các nguồn lực và lợi thế, khai thác tốt các cơ hội kinh doanh. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh có những thay đổi không thuận lợi so với dự báo đầu năm nhưng Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021: doanh thu hợp nhất của Tập đoàn tăng 16,42% so với năm 2020.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư phát triển.
- Hoàn thành các dự án đầu tư đảm bảo tiến độ và chất lượng, kịp thời đưa vào khai thác hiệu quả, góp phần tăng quy mô và hiệu quả SXKD năm 2021.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị thực hiện kiểm tra giám sát tình hình SXKD thông qua kiểm tra trực tiếp tại các đơn vị thành viên hàng tháng, quý và đột xuất, ban hành các quyết định về quản trị điều hành công ty kịp thời.
- Kiểm tra giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản của các đơn vị thành viên thông qua Ban quản lý dự án và trực tiếp tại các dự án.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, bảo đảm hiệu quả kinh doanh đề ra, tuân thủ pháp luật và minh bạch trong công tác điều hành.
- Tổng giám đốc đã điều hành công ty đạt chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao; Thực hiện tốt các quy chế quản trị của công ty, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, bảo vệ lợi ích của công ty, không lợi dụng chức vụ quyền hạn vì mục đích cá nhân. Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư đúng quy định của pháp luật và chủ trương của HĐQT.
- Đối với các cán bộ quản lý không phát hiện các dấu hiệu vi phạm quy chế quản trị của công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Đa số cán bộ quản lý trong công ty đều hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, các phó TGD đã thực hiện tốt các nhiệm vụ TGD phân công, cùng với TGD quản lý, điều hành công ty hoàn thành các chỉ tiêu SXKD. Phát huy tốt năng lực, phẩm chất, trách nhiệm, nêu cao tinh thần đoàn kết, kỷ luật, luôn bảo vệ lợi ích của công ty, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn và các cơ hội kinh doanh vì mục đích cá nhân.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Luôn đặt mục tiêu thách thức để chỉ đạo điều hành, quyết liệt linh hoạt trong điều hành, quản trị mục tiêu gắn với thời gian thực hiện. Nâng cao chất lượng công tác hoạch định chỉ tiêu điều hành kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm. Thực hiện công tác thông tin báo cáo kịp thời, chính xác. Tiếp tục đầu tư phát triển thị trường cho các ngành hàng của công ty, đảm bảo hoạt động SXKD của công ty được vận hành thông suốt.
- Theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ trong nước và thế giới để kịp thời có các giải pháp điều chỉnh hoạt động SXKD, đầu tư của công ty và đơn vị thành viên thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.
- Huy động đủ nguồn lực cho đầu tư để đạt mục tiêu phát triển. Đảm bảo đủ vốn, chi phí vốn thấp cho SXKD và đầu tư phát triển.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao, đặt ra những mục tiêu SXKD thách thức ngắn và dài hạn và nỗ lực để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng (trong nước và thuê chuyên gia nước ngoài) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển, từng bước đưa chi phí tiền lương hội nhập.
- Đảm bảo quyền lợi để cổ đông yên tâm đầu tư dài hạn và thu hút thêm nhà đầu tư mới vào công ty; Chỉ đạo các ngành có giải pháp bền vững về công tác môi trường, xử lý rác thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động trong hoạt động SXKD; Tăng cường công tác quản trị tài chính, thực hiện nghiêm túc kế hoạch tài chính hàng quý, sử dụng tiết kiệm vốn trong hoạt động SXKD, kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho và công nợ.



VỀ NGÀNH CHẾ BIẾN KHAI THÁC ĐÁ

Triển khai đồng bộ các giải pháp mở rộng và phát triển quy mô thị trường. Chú trọng thị trường xuất khẩu, phát triển và mở rộng thêm thị trường mới, không quá tập trung cho một thị trường để khắc phục yếu tố rủi ro khi thị trường chịu tác động bất thường về kinh tế - chính trị hoặc chính sách phòng vệ thương mại;

Tham gia có chọn lọc các hội chợ trong nước và quốc tế để quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm của ngành. Tận dụng cơ hội dịch chuyển thị trường cung ứng từ Trung Quốc sang các nước khác trong đó có Việt Nam. Cơ cấu lại sản phẩm gia tăng sản phẩm chế biến sâu, hoàn thiện như sản phẩm đá cắt, lavabo, bia mộ... xuất khẩu và nội địa, nhằm tăng giá trị của sản phẩm để từng bước gia tăng biên lợi nhuận, góp phần tăng hiệu quả của ngành;

Chú trọng việc đầu tư nguồn nhân lực có chất lượng, kể cả việc thuê chuyên gia nước ngoài cho các ngành sản xuất sản phẩm mới;

Tiếp tục đầu tư tìm kiếm và mua thêm các mỏ nguyên liệu có trữ lượng và chất lượng tốt, các loại đá, màu sắc có biên lợi nhuận cao. Xây dựng các xí nghiệp khai thác trở thành những đơn vị chuyên nghiệp, có năng lực quản trị khai thác tiên tiến, là đơn vị chủ lực thực hiện chiến lược an ninh nguyên liệu, đảm bảo cung ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến đá. Bảo đảm cho các hoạt động khai thác đáp ứng đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định pháp luật;

VỀ NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ



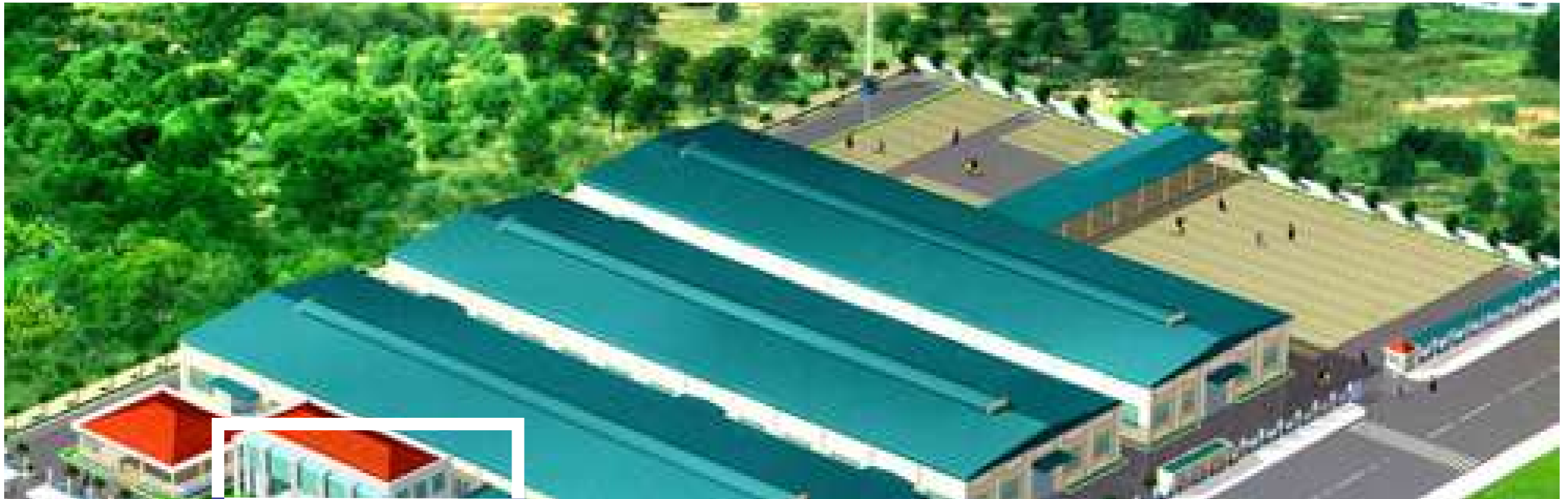
Tiếp tục đầu tư mở rộng thị trường gắn liền với quá trình tái cơ cấu khách hàng. Tận dụng tốt cơ hội dịch chuyển nhà cung ứng từ Trung Quốc sang các nước khu vực Đông Nam Á, các hiệp định thương mại giữa Châu Âu và Việt Nam... để mở rộng quy mô thị trường, khai thác hết công suất các nhà máy đã và đang đầu tư;

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, chú trọng công tác quản trị nội bộ nhằm tạo sự đột phá về quản trị các yếu tố đầu vào nguyên liệu và vật tư phục vụ sản xuất. Bố trí dây chuyền SX khoa học, thực hiện được việc kiểm soát tiến độ sản xuất theo ngày, kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm, và chi phí sản xuất phần đầu đạt mục tiêu hiệu quả của ngành đã đề ra; Thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của HĐQT về phát triển ngành gỗ.

VỀ NGÀNH DỊCH VỤ XE Ô TÔ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

Chủ động xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách hàng, giữ vững thị phần; tiếp tục kế hoạch đầu tư quỹ đất dự trữ nhằm đáp ứng các dự án mới trong các năm tiếp theo.





CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » Hội đồng quản trị
- » Ban Kiểm toán nội bộ
- » Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKTNB



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Vỹ	Chủ tịch HĐQT	6.290.988	12,95%
2	Lê Văn Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	4.010.258	8,25%
3	Phan Quốc Hoài	Thành viên HĐQT	928.774	1,91%
4	Trần Thanh Cung	Thành viên HĐQT	2.073.930	4,27%
5	Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên HĐQT	2.848.450	5,86%
6	Lê Văn Lộc	Thành viên HĐQT	2.952.804	6,08%
7	Đỗ Xuân Lập	Thành viên HĐQT độc lập	225.140	0,46%
8	Trần Hữu Đức	Thành viên HĐQT độc lập	62.108	0,13%

**THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ông LÊ VỸ – Chủ tịch HĐQT**

Sinh ngày : 20/12/1958.

Nơi sinh : Nghi Văn - Nghi Lộc - Nghệ An.

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 120 Đường Nguyễn Thị Định - TP. Quy Nhơn

Trình độ học vấn : Cử nhân Kinh tế.

Ông ĐỖ XUÂN LẬP - TV HĐQT độc lập

Sinh ngày : 1958

Nơi sinh : Bình Định

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 96 Phạm Hùng, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Trình độ học vấn : Cao cấp chính trị

Ông LÊ VĂN LỘC – Thành viên HĐQT

Giám đốc CT TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai.

Sinh ngày : 29/12/1973

Nơi sinh : Nghi Văn - Nghi Lộc - Nghệ An.

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 12/2 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TPHCM.

Trình độ học vấn : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành : Quản trị kinh doanh

Ông TRẦN HỮU ĐỨC - TV HĐQT độc lập

Sinh ngày : 1950

Nơi sinh : Bình Định

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 25 Ý Lan, TP Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ học vấn : Đại học Ngân Hàng

Ông LÊ VĂN THẢO - Phó Chủ tịch HĐQT

Thông tin đã được trình bày tại Thông tin BDH

Ông PHAN QUỐC HOÀI - Thành viên HĐQT

Thông tin đã được trình bày tại Thông tin BDH

Ông TRẦN THANH CUNG - Thành viên HĐQT

Thông tin đã được trình bày tại Thông tin BDH

Ông NGUYỄN SỸ HÒE - Thành viên HĐQT

Thông tin đã được trình bày tại Thông tin BDH

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm**

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc:

- Thực hiện quy định pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ, Nghị quyết của ĐHCĐ, Nghị quyết – Quyết định của HĐQT công ty.
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư, định hướng thực hiện mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh công ty và xây dựng kế hoạch đầu tư các dự án tiềm năng phát triển.
- Thực hiện công tác tài chính, quyết toán trong đơn vị thành viên công ty và cơ quan quản lý Nhà nước.
- Áp dụng thông lệ quản trị của Ban Tổng giám đốc theo những cách tốt nhất nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của cổ đông và người lao động công ty.
- Tăng cường công tác trao đổi thông tin giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc để đưa ra những quyết định hợp lý, kịp thời.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Vỹ	Chủ tịch HĐQT	06/06	100%
2	Lê Văn Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	06/06	100%
3	Phan Quốc Hoài	Thành viên HĐQT	06/06	100%
4	Trần Thanh Cung	Thành viên HĐQT	06/06	100%
5	Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên HĐQT	06/06	100%
6	Lê Văn Lộc	Thành viên HĐQT	06/06	100%
7	Đỗ Xuân Lập	Thành viên HĐQT độc lập	06/06	100%
8	Trần Hữu Đức	Thành viên HĐQT độc lập	06/06	100%

**Nội dung và kết quả của các cuộc họp**

Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT	19/01/2021	Kết quả SXKD năm 2020 và nhiệm vụ SXKD năm 2021
2	06/NQ-HĐQT	19/02/2021	Nghị quyết thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội
3	25/NQ-HĐQT	19/04/2021	Kết quả SXKD quý 1/2021 và kế hoạch SXKD quý 2/2021
4	26/NQ-HĐQT	23/04/2021	Thông qua phương án chia cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ
5	32/NQ-HĐQT	14/05/2021	Nghị quyết thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền mặt và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
6	38/NQ-HĐQT	27/05/2021	Nghị quyết thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền mặt và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (thay đổi ngày ĐKCC tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT)
7	46/QĐ-HĐQT	15/06/2021	Thành lập công ty TNHH MTV đá thạch anh Phú Tài Bình Định
8	50/QĐ-HĐQT	21/06/2021	Bãi nhiệm người nội bộ
9	52/NQ-HĐQT	21/06/2021	Kết quả thực hiện phương án chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ.
10	64/NQ-HĐQT	17/07/2021	Kết quả SXKD 6 tháng/2021 và kế hoạch SXKD quý 3/2021
11	80/NQ-HĐQT	16/10/2021	Kết quả SXKD 9 tháng/2021 và kế hoạch SXKD quý 4/2021
12	342/CBTT-PT	9/12/2021	CBTT Thành lập công ty TNHH MTV đá Phú Tài Yên Bái
13	103/QĐ-HĐQT	28/12/2021	Sáp nhập CN- nhà máy chế biến gỗ Phù Cát vào Cty TNHH MTV gỗ Phú Tài Bình Định

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**DANH SÁCH BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Đức Hùng	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	215.548	0,44%
2	Trương Công Hoàng	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	84	0,00%
3	Đặng Thị Tú Oanh	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	8.752	0,02%

THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**Ông BÙI ĐỨC HÙNG - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ.**

Sinh ngày	: 10/08/1963
Nơi sinh	: Hương Thủy - Hương Khê - Hà Tĩnh.
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: P. Nguyễn Văn Cừ - TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định.
Trình độ học vấn	: Cử nhân Kinh tế.

Ông TRƯƠNG CÔNG HOÀNG - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

Sinh ngày	: 08/07/1974
Nơi sinh	: Quy Nhơn – Bình Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: P. Đống Đa – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định.
Trình độ học vấn	: Cử nhân tin học, QTKD

Ông ĐẶNG THỊ TÚ OANH - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

Sinh ngày	: 23/10/1979
Nơi sinh	: Quy Nhơn – Bình Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 42 Đặng Thị Trâm – P Ghềnh Ráng – Tp Quy Nhơn – Bình Định
Trình độ học vấn	: Cử nhân tài chính – kế toán

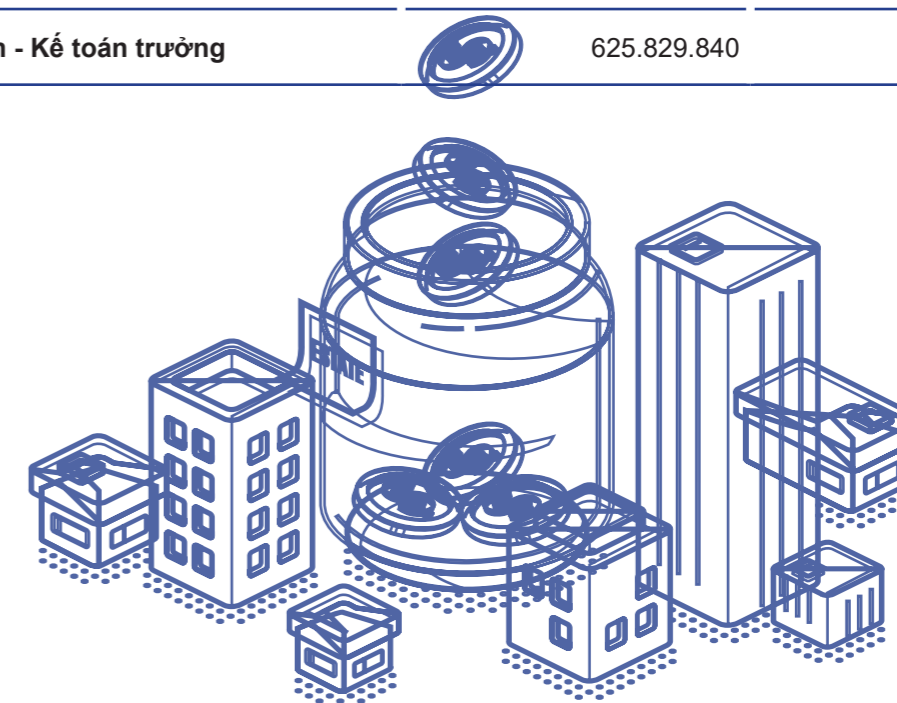
CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bùi Đức Hùng	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	04/04	100%
2	Trương Công Hoàng	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	04/04	100%
3	Đặng Thị Tú Oanh	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	04/04	100%

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

Họ và tên	Năm 2020	Năm 2021
Lê Vỹ - Chủ tịch HĐQT	1.411.700.000	1.540.400.000
Lê Văn Thảo - Phó Chủ tịch HĐQT	1.475.249.805	1.449.778.970
Trần Thanh Cung - Thành viên HĐQT	738.086.172	879.050.000
Phan Quốc Hoài - Thành viên HĐQT	917.000.000	845.485.042
Nguyễn Sỹ Hòe - Thành viên HĐQT	939.575.009	1.246.171.420
Lê Văn Lộc - Thành viên HĐQT	758.004.248	948.653.245
Đỗ Xuyên Lập - Thành viên HĐQT độc lập	141.540.672	170.400.000
Trần Hữu Đức - Thành viên HĐQT độc lập	141.540.672	170.400.000
Nguyễn Thị Mỹ Loan - Kế toán trưởng	625.829.840	529.199.000





*BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG*

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NGUỒN NĂNG LƯỢNG	SỐ LƯỢNG TIÊU THỤ			
	2018	2019	2020	2021
Điện (triệu Kwh/ năm)	84,146	96,112	105,934	104,838
Gas (kg/ năm)	99,852	133,561	297,014	230.481

Nguồn năng lượng chính của Công ty là: Điện và Gas.

Mức tiêu thụ năng lượng trong năm 2021 là:

Điện: 104,838 triệu Kwh (giảm 1,03% so với năm 2020); Gas: 230.481 kg/năm (giảm 22% so với năm 2020).

Những chính sách tiết kiệm năng lượng của Công ty bao gồm:

(i) Sử dụng dây chuyền, công nghệ hiện đại ít tiêu hao năng lượng và không ảnh hưởng đến môi trường; (ii) Xây dựng ý thức tiết kiệm điện trong sử dụng cho người lao động trong sản xuất và sinh hoạt

+ TIÊU THỤ NƯỚC

NGUỒN NĂNG LƯỢNG	SỐ LƯỢNG TIÊU THỤ			
	2018	2019	2020	2021
Nước (m3)	88,463	100,836	110,711	126,169

Nguồn nước Công ty sử dụng là nguồn nước của công ty cấp thoát nước, dùng cho mục đích chính là sinh hoạt. Năm 2021, toàn Công ty tiêu thụ 126,169 m3 (tăng 13,96% so với 2020).

Để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, khuyến khích CB-CNV sử dụng tiết kiệm nước.

+ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các đơn vị đã thực hiện tốt công tác báo cáo đánh giá tác động môi trường theo định kỳ 3 tháng 1 lần và 6 tháng 1 lần cho các cơ quan chức năng. Các đơn vị đã xây dựng phương án xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại, xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, nhà chứa chất thải rắn nguy hại, có trang bị thùng để chứa chất thải nguy hại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Môi trường tại các nhà máy sản xuất đảm bảo.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổ chức bếp ăn tập thể:

- Các đơn vị đã kiểm soát chặt chẽ VSATTP (Nguồn nguyên liệu đầu vào, sơ chế, chế biến, lưu mẫu thực phẩm)..., trong thời gian qua chưa để xảy ra vụ ngộ độc thức ăn thực phẩm nào đối với cán bộ công nhân viên, người lao động.
- Định mức khẩu phần ăn được đảm bảo, các món ăn được thay đổi thường xuyên.
- Vệ sinh bếp ăn, khu nhà ăn, dụng cụ đựng thức ăn được đảm bảo.
- Văn hóa tại bếp ăn từng bước được nâng cao.
- Xây dựng thực hiện bảo hộ lao động năm 2021 bao gồm các nội dung: khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp, đo kiểm môi trường lao động, kiểm định và kiểm định lại các loại máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động, trang bị các thiết bị PCCN...
- Hiện nay tổng số thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong toàn công ty là 415 (Nồi hơi: 6, Bình nén khí 125, Xe nâng hàng 105, Cầu trục 174, máy nổ mìn 3, thang máy 2), đã kiểm định 100% thiết bị; đã khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho: 380 người, Tổ chức quan trắc môi trường lao động: Tổng số mẫu: 424, số mẫu đạt: 424).
- Mua sắm đầy đủ các danh mục bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, chất lượng để trang bị cho người lao động, ban hành định mức thời gian cho các loại trang bị BHLĐ để quản lý cấp phát. Thực hiện các biện pháp quản lý (cán bộ tổ trưởng trở lên nhắc nhở) và biện pháp hành chính (giám sát khi vào cổng làm việc) buộc công nhân mang mặc, sử dụng đủ trang bị BHLĐ khi làm việc đảm bảo an toàn sức khỏe và tránh các tai nạn xảy ra.



Hoạt động đào tạo người lao động:

- Mục tiêu đào tạo: bổ sung kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công việc.
- Động viên khuyến khích cán bộ, công nhân viên, người lao động trong toàn công ty tích cực tham gia **“Sáng kiến cải tiến kỹ thuật”** góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong năm 2021, Công ty đã tặng giấy khen cho ông Lê Hoàng Cương - Trưởng Phòng Kỹ thuật - XN Thắng Lợi kèm theo hiện vật là 6.000.000 đồng, vì đã có Sáng kiến cải tiến **“Máy kiểm định chất lượng sử dụng, sản phẩm đồ gỗ”** trong SXKD năm 2020.

Công tác an toàn lao động

• Công tác giáo dục tuyên truyền:

Tuyên truyền Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, các quy chế, quy định của công ty có liên quan. Tổ chức treo bảng quy trình vận hành an toàn và các hình ảnh trực quan cảnh báo tai nạn lao động tại các máy móc đang sử dụng để người lao động chú ý tránh tai nạn.



• Công tác giáo dục tuyên truyền:

Báo cáo định kỳ về công tác bảo hộ lao động định kỳ 6 tháng, năm với Sở Lao động Thương binh và xã Hội. Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp. Đo kiểm môi trường lao động, kiểm định và kiểm định lại các loại máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động, trang bị các thiết bị PCCC...

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn cho người lao động. Ban hành định mức thời gian sử dụng từng loại trang bị BHLĐ để quản lý cấp phát. Thực hiện các biện pháp Báo cáo thường niên năm 2020 khuyến khích để giúp công nhân tự giác mang mặc, sử dụng đủ trang bị BHLĐ khi làm việc để hạn chế các tai nạn có thể xảy ra.

• Công tác giáo dục tuyên truyền:

Thực hiện đầy đủ quy trình quy phạm về an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất. Tổ chức đo kiểm tra môi trường lao động, kiểm định và kiểm định lại các máy móc có yêu cầu nghiêm về an toàn lao động; tổ chức sắp xếp nguyên liệu, sản phẩm và duy trì hệ thống dọn vệ sinh liên tục trong, sau giờ sản xuất đảm bảo môi trường làm việc thông thoáng, an toàn. Phân công cán bộ chuyên trách về an toàn lao động để giám sát việc chấp hành công tác an toàn – vệ sinh lao động tại các phân xưởng, nhà máy. Tham dự các lớp huấn luyện, tập huấn đảm bảo trình độ chuyên môn tuyên truyền cho người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Năm 2021 đóng góp tổng số tiền là 1.950 triệu đồng.

• Các tổ chức quần chúng: Công đoàn, Đoàn thanh niên vẫn duy trì hoạt động tốt. Tổ chức công đoàn đã phối hợp với Ban Tổng giám đốc công ty tổ chức Hội nghị người lao động.

• Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, luôn giải quyết tốt mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương nơi đơn vị đứng chân hoạt động





CHƯƠNG 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Phú Tài

Địa chỉ: Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Phú Tài

Địa chỉ: Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phú Tài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phú Tài là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 150/QĐ-BQP ngày 10/11/2004 của Bộ Quốc Phòng về việc chuyển Công ty Phú Tài thuộc Quân khu 5 thành Công ty Cổ phần Phú Tài.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 4100259236, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 25/07/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Vỹ	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thảo	Phó Chủ tịch
Ông Trần Thanh Cung	Thành viên
Ông Phan Quốc Hoài	Thành viên
Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên
Ông Lê Văn Lộc	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Lập	Thành viên
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hoài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông Bùi Thức Hùng	Trưởng Ban
Ông Trương Công Hoàng	Thành viên
Bà Đặng Thị Tú Oanh	Thành viên
Ông Phan Minh Dương	Thành viên

(Miễn nhiệm ngày 01/07/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phú Tài

Địa chỉ: Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN THẢO



Số: 210322.007/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phú Tài

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phú Tài được lập ngày 21/03/2022, từ trang 06 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phú Tài tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 8 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, cơ quan giám định độc lập vẫn đang trong quá trình thu thập, đánh giá thông tin, chưa công bố số ước dự phòng bồi thường đối với tổn thất của Công ty liên quan đến sự cố cháy tại Nhà kho thành phẩm của Xí nghiệp Thăng Lợi. Do đó, tại ngày 31/12/2021 Công ty đang theo dõi các tài sản tổn thất do hỏa hoạn nêu trên tại khoản mục Tài sản thiếu chờ xử lý. Giá trị của các tổn thất hoặc khoản bồi thường sẽ được Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hoạt động giám định được hoàn tất cùng với thống nhất của cơ quan bảo hiểm.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2018-002-1

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.179.837.356.156	2.738.225.731.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	135.866.626.171	167.783.353.561
111	1. Tiền		135.866.626.171	167.783.353.561
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	53.657.072.970	112.603.038.334
121	1. Chứng khoán kinh doanh		55.710.082.595	12.603.038.334
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.053.009.625)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		929.138.668.983	824.191.590.657
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	768.275.999.626	634.932.182.611
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	71.071.802.199	116.473.342.562
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	34.350.372.159	18.209.914.530
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.785.927.512)	(11.616.180.648)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	66.226.422.511	66.192.331.602
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.859.252.166.279	1.440.420.340.899
141	1. Hàng tồn kho		1.859.252.166.279	1.440.420.340.899
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		201.922.821.753	193.227.408.184
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	35.847.518.969	27.988.170.926
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		165.336.805.175	165.066.144.954
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	738.497.609	173.092.304

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.251.040.930.921	2.035.531.626.497
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		23.691.219.646	19.497.670.160
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.691.219.646	19.497.670.160
220	II. Tài sản cố định		1.780.223.920.710	1.462.753.741.867
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.754.213.996.198	1.435.838.868.254
222	- Nguyên giá		3.134.234.704.714	2.583.621.977.758
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.380.020.708.516)	(1.147.783.109.504)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	26.009.924.512	26.914.873.613
228	- Nguyên giá		49.497.748.324	49.104.846.868
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.487.823.812)	(22.189.973.255)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		113.453.387.496	249.575.643.744
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	113.453.387.496	249.575.643.744
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.600.000.000	10.400.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.600.000.000	10.400.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		319.072.403.069	293.304.570.726
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	298.903.021.128	267.718.749.349
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36	1.824.116.071	4.040.912.268
269	3. Lợi thế thương mại	12	18.345.265.870	21.544.909.109
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.430.878.287.077	4.773.757.358.132

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

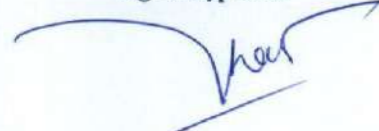
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.040.144.336.070	2.783.132.013.476
310	I. Nợ ngắn hạn		2.664.558.119.123	2.462.277.650.960
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	619.833.330.657	528.592.885.619
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	110.020.786.422	270.983.735.608
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	111.284.282.969	91.100.691.329
314	4. Phải trả người lao động		91.522.501.357	89.697.502.187
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	18.199.874.070	9.639.978.866
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		194.062.500	191.475.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	45.204.365.916	32.010.210.468
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	1.619.914.955.628	1.397.405.569.666
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	6.755.733.967	4.405.733.967
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		41.628.225.637	38.249.868.250
330	II. Nợ dài hạn		375.586.216.947	320.854.362.516
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	695.939.200	3.057.284.928
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	358.183.170.674	307.494.441.422
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36	5.599.112.454	1.379.919.620
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	11.107.994.619	8.922.716.546
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.390.733.951.007	1.990.625.344.656
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.390.733.951.007	1.990.625.344.656
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		485.994.410.000	485.994.410.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		485.994.410.000	485.994.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		23.695.822.439	162.128.986.832
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.273.435.879.605	1.031.505.624.847
415	4. Cổ phiếu quỹ		(131.295.471)	(138.564.459.864)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1.963.762.278	1.755.382.169
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		535.471.768.415	380.059.053.115
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		31.424.435.409	21.515.908.434
421b	LNST chưa phân phối năm nay		504.047.333.006	358.543.144.681
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		70.303.603.741	67.746.347.557
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.430.878.287.077	4.773.757.358.132

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc




Võ Phương Thảo

Nguyễn Thị Mỹ Loan



LÊ VĂN THẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	6.494.977.231.279	5.602.248.622.302
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	3.028.190.548	1.011.852.605
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	6.491.949.040.731	5.601.236.769.697
11	4. Giá vốn hàng bán	28	5.039.328.586.591	4.460.347.423.722
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.452.620.454.140	1.140.889.345.975
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	61.222.443.240	23.788.280.335
22	7. Chi phí tài chính	30	120.103.570.782	106.384.856.872
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		98.746.277.603	89.239.816.660
25	8. Chi phí bán hàng	31	550.495.885.631	422.107.833.423
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	205.122.950.138	196.699.532.812
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		638.120.490.829	439.485.403.203
31	11. Thu nhập khác	33	23.501.073.172	28.957.758.454
32	12. Chi phí khác	34	11.128.379.691	6.135.203.996
40	13. Lợi nhuận khác		12.372.693.481	22.822.554.458
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		650.493.184.310	462.307.957.661
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	120.625.234.655	82.688.054.491
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	3.973.335.873	314.454.090
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		525.894.613.782	379.305.449.080
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		511.840.640.986	358.501.244.681
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.053.972.796	20.804.204.399
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	11.079	7.709

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc




Võ Phương Thảo

Nguyễn Thị Mỹ Loan



LÊ VĂN THẢO

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		650.493.184.310	462.307.957.661
	2. Điều chỉnh cho các khoản		366.132.628.866	287.475.336.350
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		275.694.666.801	220.745.107.634
03	- Các khoản dự phòng		5.758.034.562	3.836.223.987
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		631.514.790	(3.021.644.480)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.697.864.890)	(23.324.167.451)
06	- Chi phí lãi vay		98.746.277.603	89.239.816.660
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.016.625.813.176	749.783.294.011
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(112.175.227.898)	(2.221.528.522)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(418.831.825.380)	(118.661.682.861)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(23.038.173.648)	357.212.172.749
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(41.651.951.423)	46.906.118.239
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(43.107.044.261)	(12.153.038.334)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(100.713.828.413)	(89.656.963.889)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(97.780.486.924)	(77.791.635.217)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.792.333.953)	(23.689.043.434)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		159.534.941.276	829.727.692.742
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(517.698.904.725)	(479.978.606.735)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		49.820.452.747	33.478.706.695
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.200.000.000)	(5.600.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.046.966.557	4.527.349.856
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(363.031.485.421)	(497.572.550.184)

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(55.755.525.591)
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.475.935.984.508	3.906.067.730.529
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(5.203.965.113.446)	(3.990.643.123.670)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(100.291.516.250)	(150.635.987.374)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		171.679.354.812	(290.966.906.106)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(31.817.189.333)	41.188.236.452
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		167.783.353.561	126.518.814.646
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(99.538.057)	76.302.463
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	135.866.626.171	167.783.353.561

Người lập biểu

Võ Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Loan

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN THẢO

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phú Tài là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 150/QĐ-BQP ngày 10/11/2004 của Bộ Quốc Phòng về việc chuyển Công ty Phú Tài thuộc Quân khu 5 thành Công ty Cổ phần Phú Tài.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 4100259236, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 25/07/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 485.994.410.000 VND; tương đương 48.599.441 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 7.109 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 7.408 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá granite, đá bazal, đá marble;
- Khai thác đá granite, đá bazal; Khai thác đá, cát, sỏi làm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất đá dăm, bột đá và các sản phẩm tương tự;
- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán các sản phẩm từ đá granite, đá bazal, đá marble;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: Trong năm, dự án chung cư Phú Tài Residence đã hoàn tất giai đoạn đầu tư và đã bàn giao được một phần các căn hộ thuộc dự án cho khách hàng nên Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài (công ty con) đã phát sinh việc ghi nhận doanh thu đối với hoạt động kinh doanh bất động sản. Việc dự án chung cư Phú Tài Residence hoàn thành bàn giao đã đóng góp đáng kể khiến cho kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty năm nay tăng so với năm trước.

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đá: Do hoạt động tiêu thụ sản phẩm đá của công ty vẫn gặp khó khăn do dịch Covid-19 tại thị trường xuất khẩu và khu vực miền Nam dẫn đến Doanh thu tiêu thụ và kết quả kinh doanh các sản phẩm đá trong năm giảm so với năm trước.

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gỗ: Do nhu cầu thị trường đồ gỗ ở nước ngoài vẫn ở mức cao dẫn đến các đơn hàng xuất khẩu sản phẩm gỗ của Công ty tăng mạnh đặc biệt đối với các sản phẩm đồ gỗ nội thất. Trong năm, Công ty cũng đã tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất của ngành gỗ, phát huy năng lực sản xuất của các dự án đầu tư mới, các dự án đổi mới trang thiết bị trong thời gian qua nhằm đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu. Vì vậy, doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh gỗ xuất khẩu tăng đáng kể, tuy nhiên hoạt động này tăng đã kéo theo chi phí bán hàng tăng mạnh do tăng chi phí xuất khẩu và chi phí trong việc đóng gói sản phẩm so với năm trước.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Đối với hoạt động bán xe Toyota và dịch vụ sửa chữa ô tô: Trong năm, tình hình dịch bệnh COVID-19 vẫn ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và khối ngành dịch vụ thương mại nói riêng, trong đó hoạt động kinh doanh dịch vụ sửa chữa và bán xe ô tô của công ty con tiếp tục bị ảnh hưởng dẫn đến doanh thu bán xe giảm nhẹ. Tuy nhiên, do cơ cấu tiêu thụ năm nay có đóng góp nhiều của một số dòng xe mới có tỷ suất lợi nhuận cao hơn và việc ít phải bán giảm giá để hạn chế tồn kho như năm trước nên mặc dù doanh thu tiêu thụ giảm nhưng lợi nhuận của hoạt động lại tăng nhẹ so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	50,65%	50,65%	Khai thác chế biến đá ốp lát, đá xây dựng, cát xây
Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản Tuấn Đạt	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	100%	100%	Khai thác, chế biến đá
Công ty Cổ phần Đá Universal	Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Kinh doanh, chế biến đá
Công ty Cổ phần Vina G7	Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	75%	75%	Khai thác, kinh doanh, chế biến gỗ
Công ty TNHH MTV Toyota Bình Định	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	100%	100%	Mua bán, sửa chữa xe ô tô
Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	100%	100%	Mua bán, sửa chữa xe ô tô
Công ty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	100%	100%	Khai thác, kinh doanh, chế biến gỗ
Công ty Sản xuất Đá Granit TNHH	Thành phố Hồ Chí Minh	70%	70%	Khai thác, chế biến đá
Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Đá Granite Thành Châu Phú Yên	Huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	100%	100%	Khai thác, chế biến đá
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát	Huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	99%	99%	Khai thác, chế biến đá
Công ty CP Đá Phú Tài Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	98%	98%	Sản xuất, chế biến đá
Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Phú Tài	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất, chế biến đá
Công ty TNHH MTV Gỗ Phú Tài Bình Định	Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	100%	100%	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế
Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Phú Tài Bình Định ⁽¹⁾	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	100%	100%	Sản xuất, chế biến đá và bột đá
Công ty TNHH MTV Đá Phú Tài Yên Bái ⁽¹⁾	Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	100%	100%	Khai thác, chế biến đá

⁽¹⁾ Thực hiện Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 15/06/2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Đá thạch anh Phú Tài Bình Định với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND (do Công ty sở hữu 100%). Ngày 17/06/2021, Công ty TNHH MTV Đá thạch anh Phú Tài Bình Định đã được Sở

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu với mã số doanh nghiệp 4101599556, địa chỉ công ty con được đặt tại: Lô C1-5, Khu công nghiệp Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; với ngành nghề kinh doanh chính là: sản xuất bột đá thạch anh siêu mịn và các loại bột đá khác phục vụ cho ngành công nghiệp; sản xuất đá mài, đá đánh bóng các loại. Đến ngày 31/12/2021, Công ty đã góp đủ vốn vào công ty con.

⁽⁴⁾ Thực hiện quyết định số 342/CBTT-PT ngày 09/12/2021, Công ty đã thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Đá Phú Tài Yên Bái với vốn điều lệ 30.000.000.000 VND (do Công ty sở hữu 100%). Ngày 06/12/2021 Công ty TNHH MTV Đá Phú Tài Yên Bái đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu với mã số doanh nghiệp 5200928771, địa chỉ công ty con được đặt tại: thôn Trung Tâm, xã Vĩnh Lạc, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam; với ngành nghề kinh doanh chính là: khai thác và chế biến đá granida, đá bazal, đá Marble; khai thác đá cát sỏi làm vật liệu xây dựng. Đến ngày 31/12/2021, Công ty đã góp vốn vào công ty con với giá trị 9.100.000.000 VND, đến nay Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn điều lệ vào công ty con theo quy định.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan

trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đối với hoạt động sản xuất được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08 năm
- Chi phí đền bù san lấp mặt bằng	10 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Quyền khai thác	10 - 25 năm
- Phần mềm máy vi tính	05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất và hạ tầng trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê gắn với hạ tầng mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê đất, chi phí vận chuyển... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Chi phí hoàn nguyên (phục hồi) môi trường cho các mỏ khai thác được trích trước căn cứ theo Tổng dự toán chi phí phục hồi môi trường và thời hạn khai thác mỏ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc trích trước này đảm bảo được nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí tránh việc biến động chi phí lớn cho năm tài chính thực hiện hoàn nguyên môi trường.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

- Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:
 - Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
 - Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2.22. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.24. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Công ty Cổ phần Phú Tài

Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Chính sách Ưu đãi thuế

Theo các Giấy chứng nhận đầu tư: số 47221001231 ngày 05/05/2015 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai, số 0421432406 ngày 25/04/2016 và số 4421721746 ngày 23/01/2017 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định, Công ty được miễn 2 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Nhà máy chế biến đá ốp lát tại tỉnh Đồng Nai, Bình Định, và Nhà máy chế biến gỗ tại tỉnh Bình Định. Năm 2016, là năm đầu tiên Nhà máy chế biến đá ốp lát tại Tỉnh Đồng Nai được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, năm 2017 là năm đầu tiên Nhà máy chế biến đá ốp lát tại tỉnh Bình Định được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, và năm 2018 là năm đầu tiên Nhà máy chế biến gỗ Bình Định được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.27. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Công ty Cổ phần Phú Tài

Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

3. TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	11.147.953.920	9.722.510.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	124.718.672.251	158.060.842.712
	135.866.626.171	167.783.353.561

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	100.000.000.000	-
	-	-	100.000.000.000	-

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu				
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	3.949.916.000	4.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn hóa chất Đức Giang	5.634.128.500	5.596.500.000	(37.628.500)	-
- Công ty Cổ phần Gemadept	7.764.980.000	7.095.000.000	(669.980.000)	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	3.664.860.000	4.095.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu	4.062.558.500	4.140.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	7.021.644.630	6.510.000.000	(511.644.630)	-
- Tổng công ty Khí Việt Nam	-	-	-	5.134.595.510
- Công ty Cổ phần Vinhomes	-	-	-	3.197.555.055
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	2.791.180.500
- Ngân hàng TMCP Quân đội	2.304.668.970	2.343.616.600	1.029.707.269	1.170.700.000
- Tổng công ty MBLand ^(4.1)	450.000.000	-	450.000.000	-
- Chứng khoán và công cụ tài chính khác	20.857.325.995	20.287.857.600	-	-
	55.710.082.595	54.067.974.200	(2.053.009.625)	12.710.700.000

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa trên sàn chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

^(4.1) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa ^(4.2)	14.000.000.000	-	9.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hóa chất Lào Cai ^(4.3)	600.000.000	-	600.000.000	-
	14.600.000.000	-	10.400.000.000	-

^(4.2) Trong năm, Công ty thực hiện mua cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa phát hành thêm, số tiền: 4.200.000.000 VND, tương đương với 20.000 VND/ cổ phiếu.

^(4.3) Đây là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần đá Phú Tài Ninh Thuận (công ty con) vào Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hóa chất Lào Cai.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	2,83%	0,85%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hóa chất Lào Cai	Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	4,00%	4,00%	Khai thác quặng kinh loại không chứa sắt

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Masterbrand Cabinets INC	104.667.371.173	-	121.751.506.615	-
Noble House Home Furnishings LLC	4.880.700.636	-	35.777.813.030	-
Yaraghi LLC	35.704.085.531	-	27.286.101.093	-
Autonomous Inc	10.219.622.662	-	27.328.159.634	-
Carrefour Imports SAS	18.962.188.600	-	25.181.254.643	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh	-	-	23.000.000.000	-
Ashley	29.689.521.850	-	20.196.440.043	-
Melissa & Doug LLC	28.894.096.281	-	17.332.101.509	-
Forest Products Distributors	9.729.381.330	-	15.520.437.531	-
Anavil Company Ltd	33.261.525.436	-	13.686.808.047	-
Castorama Polska SP.ZO.O	9.610.604.382	-	-	-
Lionbridge	8.542.186.558	-	1.614.277.555	-
B and Q PLC	18.053.977.529	-	6.558.005.987	-
Castorama France SAS	13.484.601.344	-	5.941.773.008	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thế Anh	-	-	6.983.849.216	-
Advance Furniture (VIC) PTY	1.742.847.576	-	8.644.641.761	-
Công ty TNHH Ánh Kim	15.747.851.900	-	3.637.727.473	-
Algabeth Com Srl	7.625.313.108	-	5.326.989.657	-
Jb Global Ltd	9.018.809.725	-	6.146.296.005	-
Leadvision international Ltd	4.892.952.272	-	5.117.872.650	-
Công ty Cổ phần Đa Việt Hà	13.905.601.397	-	6.816.070.497	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	389.642.760.336	(10.467.537.512)	251.084.056.657	(10.247.919.508)
	768.275.999.626	(10.467.537.512)	634.932.182.611	(10.247.919.508)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kim Hưng Thịnh	-	-	54.108.967.399	-
Ông Lê Văn Viên	22.000.000.000	-	-	-
Yingmu AB	6.337.816.895	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Gỗ An Cường	-	-	6.763.741.749	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	42.733.985.304	(100.290.000)	55.600.633.414	(1.150.161.140)
	71.071.802.199	(100.290.000)	116.473.342.562	(1.150.161.140)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	2.205.364.000	-	339.581.620	-
Phải thu CBCNV tiền tạm ứng	8.961.046.216	-	7.496.576.935	-
Phải thu khác	23.183.961.943	(218.100.000)	10.373.755.975	(218.100.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	1.238.118.282	-
- Phải thu tiền bán chứng khoán ^(7.1)	20.168.183.656	-	7.219.604.000	-
- Phải thu về tiền BHXH, BHYT, BHTN	2.029.123.515	-	991.117.673	-
- Phải thu về tiền cổ tức	90.000.000	-	-	-
- Phải thu về tiền tạm ứng mua tài sản	218.100.000	(218.100.000)	218.100.000	(218.100.000)
- Phải thu khác	678.554.772	-	706.816.020	-
	34.350.372.159	(218.100.000)	18.209.914.530	(218.100.000)
b) Dài hạn				
Phải thu người lao động	1.694.669.695	-	490.669.695	-
Ký cược, ký quỹ	19.252.323.088	-	16.096.373.676	-
- Tiền ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác mỏ ^(7.2)	18.290.043.588	-	15.131.394.176	-
- Các khoản đặt cọc thực hiện hợp đồng	962.279.500	-	964.979.500	-
Phải thu khác	2.744.226.863	-	2.910.626.789	-
- Phải thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng trừ vào tiền thuê đất tại Xi nghiệp Thăng Lợi ^(7.3)	2.744.226.863	-	2.910.626.789	-
	23.691.219.646	-	19.497.670.160	-

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

(7.1) Đây là khoản tiền bán chứng khoán chưa về tài khoản của Công ty mở ở các công ty chứng khoán tại ngày 31/12/2021.

(7.2) Đây là các khoản tiền ký quỹ phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác đá được Công ty nộp theo các thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

(7.3) Trong năm, Công ty tiếp tục bù trừ tiền đến bù giải phóng mặt bằng với tiền thuê đất phải nộp theo thông báo tiền thuê đất năm 2021.

8. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Hàng tồn kho bị cháy	61.909.765.432	61.909.765.432
Tài sản cố định bị cháy	4.282.566.170	4.282.566.170
Tài sản khác	34.090.909	-
	66.226.422.511	66.192.331.602

Tại ngày 31/12/2021, tài sản thiếu chờ xử lý là hàng tồn kho có trị giá vốn ước tính là 61,9 tỷ VND và giá trị còn lại của Nhà kho thành phẩm là 4,3 tỷ VND liên quan đến sự cố hỏa hoạn làm cháy Nhà kho thành phẩm vào lúc 21 giờ ngày 04/09/2020 xảy ra tại Xí nghiệp Thăng Lợi, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Dựa trên kết quả giám định hiện trường, Công ty đã lập báo cáo ước tính giá trị tổn thất do hỏa hoạn là 66.192.331.602 VND, trong đó: Giá trị còn lại của Tài sản cố định là 4.282.566.170 VND, nguyên vật liệu giá trị ước tính là 6.078.261.701 VND, thành phẩm với giá trị ước tính là 30.164.284.529 VND, bán thành phẩm với giá trị ước tính là 25.667.219.202 VND.

Tại ngày 28/02/2021, Công ty thực hiện bán hộ phế liệu cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định, số tiền: 340.909.091 VND (chưa bao gồm VAT) cho công ty TNHH TMDV Tư vấn Thái Hùng và thực hiện kê khai và nộp thuế hộ cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định khoản tiền thuế 34.909.091 VND.

Đến ngày 31/12/2021, số tiền mà Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định đã chuyển để tạm ứng tiền bồi thường cho Công ty là 12.000.000.000 VND (Thuyết minh số 20).

Trong năm, Công ty đã nhiều lần làm việc với các bên liên quan tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Giám định độc lập vẫn chưa công bố kết quả giám định, cũng như số ước dự phòng bồi thường đối với tổn thất của Công ty. Do đó, Công ty tiếp tục theo dõi các tài sản tổn thất do hỏa hoạn nêu trên tại khoản mục Tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31/12/2021. Giá trị của các tổn thất hoặc khoản bồi thường sẽ được Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi hoạt động giám định được hoàn tất cùng với thống nhất của cơ quan bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng bảo hiểm sẽ bồi thường giá trị hợp lý cho các thiệt hại thực tế phát sinh từ sự cố nêu trên.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tản Cương	1.083.152.301	-	1.175.007.342	235.001.595
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vương Minh	1.365.605.000	-	1.465.605.000	-
Cattie Europa S.L	724.304.767	-	724.304.767	-
Công ty TNHH Hà Bình	668.552.930	-	668.552.930	-
Công ty TNHH Đá Granite Bình Định	507.016.559	-	507.016.559	-
Công ty Cổ phần Licogi 13	361.966.771	-	1.361.966.771	-
Các khoản phải thu khác	7.189.190.675	1.113.861.491	6.929.175.995	980.447.121
	11.899.789.003	1.113.861.491	12.831.629.364	1.215.448.716

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	524.259.720.220	-	402.646.869.006	-
Công cụ, dụng cụ	1.021.364.535	-	686.425.881	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	475.217.107.094	-	776.733.706.725	-
- Sản phẩm đá	228.159.394.034	-	156.586.845.981	-
- Sản phẩm gỗ	162.145.537.666	-	121.307.497.258	-
- Bất động sản ⁽ⁱ⁾	84.352.202.043	-	498.391.343.870	-
- Dịch vụ sửa chữa ô tô	559.973.351	-	448.019.616	-
Thành phẩm	756.013.625.477	-	204.379.204.302	-
- Bất động sản ⁽ⁱⁱ⁾	490.890.864.317	-	-	-
- Thành phẩm nhập kho	265.122.761.160	-	204.379.204.302	-
Hàng hoá	102.740.348.953	-	54.879.515.276	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.094.619.709	-
	1.859.252.166.279	-	1.440.420.340.899	-

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2021, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động bất động sản chủ yếu là tiền trúng đấu giá mà Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài (công ty con) đã nộp cho quyền sử dụng đất của khu đất 2.920 m² tại Kho Việt răng cũ phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn; khu đất được phê duyệt cho mục đích thực hiện dự án nhà chung cư cao tầng. Hiện nay, công ty con đang trong quá trình lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết để trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây dựng các kế hoạch để triển khai dự án.

⁽ⁱⁱ⁾ Đây là giá trị các căn hộ đã hoàn thành đang trong giai đoạn chờ bàn giao và bán của dự án Chung cư cao cấp hồ sinh thái đầm Đổng Đa (Phú Tài Residence). Dự án được thực hiện theo quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 18/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phú Tài, thông tin chi tiết như sau:

- Tên dự án: Dự án Chung cư cao tầng hồ sinh thái đầm Đổng Đa;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài;
- Địa điểm đầu tư: Đường Lê Đức Thọ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

- Quy mô dự án: Diện tích 5830 m²; Tổng diện tích xây dựng công trình: 2.332 m², số tầng nổi (không kể hầm tầng kỹ thuật và mái): 33 tầng;
- Tổng mức đầu tư dự án: 876.435.576.752 VND;
- Nguồn vốn đầu tư: vốn đầu tư từ Công ty mẹ và vốn huy động;
- Tính đến 31/12/2021, dự án đã hoàn thành và đang trong giai đoạn bàn giao và bán các căn còn lại.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phục vụ khai thác mỏ	408.413.833	2.322.697.674
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	16.371.742.014	11.560.561.853
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị, nhà xưởng	10.682.026.450	6.936.688.646
- Chi phí tiền bảo hiểm	5.619.654.352	3.808.682.008
- Chi phí thuê đất	36.987.855	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.728.694.465	3.359.540.745
	35.847.518.969	27.988.170.926
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê đất và hạ tầng Nhà máy chế biến gỗ Phù Cát, Tỉnh Bình Định ^(11.1)	15.720.946.923	15.630.858.137
- Chi phí thuê đất và hạ tầng Nhà máy chế biến đá ốp lát Bình Định ^(11.2)	11.686.257.534	12.014.779.366
- Chi phí để có được quyền sử dụng đất thuê tại xã Diên Tân, Diên Khánh, Khánh Hòa ^(11.3)	10.265.757.575	10.543.838.384
- Chi phí thuê đất và duy tu bảo dưỡng Khu Công nghiệp Phù Cát	-	11.542.229.734
- Chi phí thuê kết cấu hạ tầng Nhà máy Long Mỹ, tỉnh Bình Định ^(11.4)	16.374.373.737	12.557.400.616
- Tiền chuyển nhượng đất Nhà máy Sơn Phát chờ phân bổ ^(11.5)	36.827.626.248	37.394.902.248
- Chi phí thuê đất Nhà máy Đăk Nông	1.605.400.493	1.017.140.625
- Tiền chuyển nhượng đất mỏ Đa Lộc, Thành Châu, tỉnh Phú Yên ^(11.6)	12.448.906.911	13.174.891.962
- Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ^(11.7)	86.958.127.585	89.696.966.245
- Chi phí hoạt động nhà máy đá Thạch Anh nhân tạo tại Nhơn Trạch, Đồng Nai ^(11.8)	4.826.812.772	7.376.047.532
- Chi phí thuê đất và hạ tầng Nhà máy Tuấn Đạt	3.738.170.639	3.874.650.731
- Chi phí thuê đất và hạ tầng Công ty Gỗ Bình Định	12.325.317.586	-
- Thuê hạ tầng đá Thạch anh Bình Định ^(1.19)	6.018.533.984	-
- Chi phí phục vụ khai thác mỏ	12.563.065.212	11.872.853.306
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	31.542.112.770	23.282.306.882
- Chi phí sửa chữa lớn máy móc, thiết bị, nhà xưởng	21.392.280.547	13.286.690.758
- Chi phí chờ phân bổ khác	14.609.330.612	4.453.192.823
	298.903.021.128	267.718.749.349

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

^(11.1) Đây là 50% giá trị tiền thuê hạ tầng tại Cụm Công nghiệp Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với diện tích thuê là 91.375,5 m², thời gian thuê đến hết ngày 11/07/2057 nhằm phục vụ cho việc xây dựng Nhà máy chế biến gỗ Phù Cát.

^(11.2) Bao gồm giá trị tiền thuê đất và hạ tầng tại Cụm Công nghiệp Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với diện tích lần lượt là 39.426,5 m² và 32.439 m², thời gian thuê lần lượt là 41 năm từ năm 2017 và 38 năm từ năm 2019 nhằm phục vụ cho việc xây dựng Nhà máy chế biến đá ốp lát tỉnh Bình Định.

^(11.3) Đây là chi phí để có được quyền sử dụng đất thuê nhằm phục vụ công việc khai thác mỏ và sản xuất đá tại xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, thời gian phân bổ là 50 năm tính từ tháng 01 năm 2019.

^(11.4) Đây là giá trị tiền thuê kết cấu hạ tầng tại Khu Công nghiệp Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với diện tích thuê là 30.075,8 m², thời gian thuê đến hết ngày 31/12/2048 nhằm phục vụ cho việc xây dựng Nhà máy chế biến đá Long Mỹ.

^(11.5) Đây là số tiền mà Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát đã thanh toán cho các hộ dân theo các hợp đồng chuyển nhượng đất để phục vụ công việc khai thác mỏ đá tại xã Vạn Dã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, thời gian phân bổ là 30 năm tính từ tháng 07/2019.

^(11.6) Đây là số tiền mà Công ty TNHH Đá Granit Thành Châu Phú Yên đã thanh toán cho các hộ dân theo các hợp đồng chuyển nhượng đất để phục vụ công việc khai thác mỏ đá tại xã Đa Lộc, huyện Thành Châu, tỉnh Phú Yên, thời gian phân bổ là 30 năm tính từ tháng 06/2020.

^(11.7) Đây là tiền thuê lại quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích thuê là 44.231 m², thời gian thuê đến hết ngày 12/09/2053 nhằm thực hiện mở rộng đầu tư Nhà máy sản xuất đá nhân tạo Thạch Anh cao cấp Phú Tài.

^(11.8) Đây là các chi phí phát sinh trước hoạt động của Nhà máy Đá Thạch Anh, các chi phí này được phân bổ trong thời gian từ 2 đến 3 năm khi Nhà máy đi vào hoạt động (ngày 01/01/2021)

^(11.9) Đây là chi phí tiền thuê đất trả tiền một lần của dự án nhà máy Nhà máy chế biến nguyên liệu đá thạch anh anh được thực hiện tại Lô CI-5, Khu công nghiệp Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, chi phí này được phân bổ trong thời hạn 3 năm từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	21.544.909.109	24.744.552.348
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	3.199.643.239	3.199.643.239
Số dư cuối năm	18.345.265.870	21.544.909.109

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Phú Tài
Địa chỉ: Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	965.915.120.967	1.285.847.172.854	326.320.750.136	5.381.931.737	157.002.064	2.583.621.977.758					
- Mua trong năm	389.717.863	10.991.797.929	6.086.004.184	-	-	17.467.519.976					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	288.253.663.055	255.179.780.096	66.625.553.241	860.654.204	-	610.919.650.596					
- Do phân loại lại	2.423.769.765	76.199.905.588	(78.444.237.626)	(179.437.727)	-	-					
- Thanh lý, nhượng bán	(24.147.515.423)	(49.449.101.410)	(4.177.826.783)	-	-	(77.774.443.616)					
Số dư cuối năm	1.232.834.756.227	1.578.769.555.057	316.410.243.152	6.063.148.214	157.002.064	3.134.234.704.714					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	385.057.425.127	600.821.405.121	156.610.871.772	5.136.405.420	157.002.064	1.147.783.109.504					
- Khấu hao trong năm	78.908.366.579	157.940.839.119	30.328.933.700	156.087.602	-	267.334.227.000					
- Do phân loại lại	(5.361.406.329)	45.996.772.693	(40.568.589.544)	(66.776.820)	-	-					
- Thanh lý, nhượng bán	(4.039.259.568)	(27.978.542.126)	(3.078.826.294)	-	-	(35.096.627.988)					
Số dư cuối năm	454.565.125.809	776.780.474.807	143.292.389.634	5.225.716.202	157.002.064	1.380.020.708.516					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	580.857.695.840	685.025.767.733	169.709.878.364	245.526.317	-	1.435.838.868.254					
Tại ngày cuối năm	778.269.630.417	801.989.080.251	173.117.853.518	837.432.012	-	1.754.213.996.198					

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 737.662.637.885 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 339.605.623.632 VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chi phí đền bù san lấp mặt bằng		Quyền sử dụng đất		Quyền khai thác		Phần mềm máy vi tính		Tài sản cố định vô hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	15.579.099.436	12.303.892.946	20.403.912.568	86.416.000	731.525.918	49.104.846.868					
- Tăng do được cấp quyền khai thác	-	-	1.991.136.364	-	-	1.991.136.364					
- Giảm do chuyển nhượng	(1.598.234.908)	-	-	-	-	(1.598.234.908)					
Số dư cuối năm	13.980.864.528	12.303.892.946	22.395.048.932	86.416.000	731.525.918	49.497.748.324					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	11.068.799.174	3.696.418.292	6.606.813.871	86.416.000	731.525.918	22.189.973.255					
- Khấu hao trong năm	1.059.497.937	359.631.121	1.133.335.904	-	-	2.552.464.961					
- Giảm do chuyển nhượng	(1.254.614.404)	-	-	-	-	(1.254.614.404)					
Số dư cuối năm	10.873.682.707	4.056.049.413	7.740.149.775	86.416.000	731.525.918	23.487.823.812					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	4.510.300.262	8.607.474.654	13.797.098.697	-	-	26.914.873.613					
Tại ngày cuối năm	3.107.181.821	8.247.843.533	14.654.899.157	-	-	26.009.924.512					

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.204.097.065 VND.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	101.820.635.872	246.901.011.470
- Dự án xây dựng Nhà máy đá thạch anh nhân tạo tại Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	-	233.698.840.961
- Dự án Nhà máy Gỗ Phú Tài Bình Định	-	983.134.632
- Chi phí xây dựng mỏ đá Da Dù	7.467.150.230	7.467.150.230
- Dự án Nhà máy chế biến nguyên liệu đá thạch anh ^(15.1)	67.367.537.143	-
- Chi phí xây dựng mỏ đá Sông Hình	1.039.964.500	1.039.964.500
- Dự án nhà máy Phú Tài Yên Bái ^(15.2)	9.441.273.546	-
- Các dự án khác	16.504.710.453	3.711.921.147
Mua sắm tài sản cố định	11.632.751.624	2.674.632.274
- Máy móc thiết bị ngành gỗ	9.891.486.074	623.192.550
- Máy móc thiết bị ngành đá	829.696.459	2.051.439.724
- Mua ô tô	911.569.091	-
	113.453.387.496	249.575.643.744

^(15.1) Dự án Nhà máy chế biến nguyên liệu đá thạch anh được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 340/QĐ-BQL ngày 01/10/2021 và chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên Đá thạch anh Phú Tài (công ty con) là nhà đầu tư của dự án. Dự án thực hiện tại Lô CI-5, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với mục tiêu là sản xuất nguyên liệu thạch anh với quy mô 65.000 tấn bột thạch anh/năm (tương đương 46.500 m³ bột thạch anh/năm), diện tích đất thực hiện dự án là 30.075,8 m² với vốn đầu tư của dự án là 90 tỷ VND. Dự án hiện đang trong giai đoạn xây dựng, dự kiến dự án sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2022.

^(15.2) Dự án Nhà máy Phú Tài Yên Bái được phê duyệt theo Quyết định số 342/HĐQT-PT ngày 09/12/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phú Tài với tổng mức đầu tư là 273,976 tỷ VND; diện tích đất thực hiện dự án là 4,4 ha; mục đích đầu tư là xây dựng nhà máy chế biến đá với công suất dự kiến 40.000m²/tháng (tương đương 450.000m²/năm) tại thôn Trung Tâm, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Dự án được bắt đầu thực hiện từ tháng 12 năm 2021 và dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Khách hàng trả trước tiền mua nhà Dự án Bất động sản ^(16.1)	81.830.821.722	246.265.315.775
Công ty TNHH Đạt Phương	1.521.306.744	1.587.335.244
Công ty TNHH Xây dựng điện Thương mại Rạng Đông	1.104.850.150	4.112.961.398
Các khoản người mua trả tiền trước khác	25.563.807.806	19.018.123.191
	110.020.786.422	270.983.735.608

^(16.1) Đây là các khoản khách hàng trả trước tiền mua nhà của dự án Chung cư cao tầng hồ sinh thái đầm Đồng Đa (Phú Tài Residence) do Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài (công ty con) thực hiện. (Xem chi tiết dự án tại thuyết minh 10).

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	53.789.078.883	53.789.078.883	58.334.387.999	58.334.387.999
Công ty TNHH Hoàng Giang	59.926.253.805	59.926.253.805	25.997.189.374	25.997.189.374
Công ty TNHH Thành Danh	21.859.762.937	21.859.762.937	19.908.028.529	19.908.028.529
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Vũ Tín	5.622.149.048	5.622.149.048	22.154.358.738	22.154.358.738
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Giang Đạt Thành	8.530.419.600	8.530.419.600	9.047.714.400	9.047.714.400
Công ty TNHH Ván ghép Sudima	-	-	17.329.441.501	17.329.441.501
Lundhs Labrador A/S	-	-	8.489.288.897	8.489.288.897
Công ty Cổ phần Nệm Gối Quy Nhơn	11.095.649.180	11.095.649.180	7.926.911.740	7.926.911.740
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hoá keo Bình Thạnh	1.753.691.500	1.753.691.500	6.101.260.250	6.101.260.250
Công ty TNHH Kinh doanh Xuất nhập khẩu Phước Long	6.474.965.333	6.474.965.333	5.904.220.612	5.904.220.612
Công ty TNHH Hoàng Tâm	5.178.278.637	5.178.278.637	3.480.450.387	3.480.450.387
Công ty TNHH Bao Bi Tấn Đạt	12.549.352.412	12.549.352.412	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	1.990.774.009	1.990.774.009	5.326.230.126	5.326.230.126
Công ty cổ phần Hawee Cơ điện	11.092.639.615	11.092.639.615	5.276.794.508	5.276.794.508
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Quang Trung	123.339.021	123.339.021	378.682.707	378.682.707
Xincheng International	-	-	16.784.644.240	16.784.644.240
Phải trả cho các đối tượng khác	419.846.976.677	419.846.976.677	316.153.281.611	316.153.281.611
	619.833.330.657	619.833.330.657	528.592.885.619	528.592.885.619

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.535.658.351	96.836.882.114	95.565.326.623	-	-	8.807.213.842	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	668.047.766	668.047.766	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.844.844	73.113.333.002	117.511.286.760	97.780.486.924	-	-	92.794.287.994	-
Thuế thu nhập cá nhân	46.061.344	750.111.987	6.877.330.952	7.343.339.008	76.610.609	76.610.609	314.653.196	-
Thuế tài nguyên	-	2.644.651.726	106.694.702.615	107.307.554.834	-	-	2.031.799.507	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	77.186.116	66.975.866	1.529.158.056	2.083.986.540	661.887.000	661.887.000	96.848.266	-
Các loại thuế khác	-	-	54.000.000	54.000.000	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.989.960.397	22.395.891.671	22.146.371.904	-	-	-	7.239.480.164
	173.092.304	91.100.691.329	352.567.299.934	332.949.113.599	738.497.609	738.497.609	111.284.282.969	111.284.282.969

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước tiền thuê đất	1.146.273.009	1.399.436.598
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	2.128.878.769	2.820.259.943
Trích trước chi phí tiền điện	313.246.744	416.560.593
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	2.096.306.320	1.818.829.900
Trích trước chi phí vận tải, vận chuyển	3.032.017.790	1.109.866.430
Trích trước chi phí thiết kế, vật tư đi kèm	2.022.606.566	687.544.437
Trích trước chi phí làm thủ tục xuất, nhập hàng	379.544.400	69.724.662
Trích trước chi phí khuyến mại hoạt động bán xe ô tô	923.584.086	88.350.000
Chi phí phải trả khác	6.157.416.386	1.229.406.303
	18.199.874.070	9.639.978.866

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	7.603.245.323	5.493.392.749
Bảo hiểm xã hội	1.419.037.949	443.535.323
Bảo hiểm y tế	256.872.711	87.039.172
Bảo hiểm thất nghiệp	88.177.222	37.119.485
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.049.166.188	6.587.006.615
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.787.866.523	19.362.117.124
- Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Vinacam	200.000.000	548.455.998
- Tiền thuê đất phải trả Cục Tài chính - Bộ Quốc Phòng	5.330.096.750	3.261.351.300
- Lãi vay phải trả	233.125	1.276.402.761
- Công nợ phải trả Quận khu 5	-	122.000.000
- Các quỹ ủng hộ	321.921.685	386.461.577
- Các khoản trợ cấp phải trả người lao động	76.033.800	16.119.700
- Tiền Đảng phí, đoàn phí công đoàn	1.940.634.610	1.557.492.641
- Cổ tức phải trả chủ sở hữu	3.543.655.750	1.037.092.000
- Phải trả cán bộ công nhân viên về tiền tạm ứng	400.229.499	342.453.299
- Tiền bồi thường bảo hiểm ứng trước ^(20.1)	12.000.000.000	10.000.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	7.975.061.304	814.287.848
	45.204.365.916	32.010.210.468
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	695.939.200	3.057.284.928
	695.939.200	3.057.284.928

(20.1) Đây là khoản Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định chuyển tiền ứng trước bồi thường tổn thất cho sự cố hỏa hoạn xảy ra tại Xí nghiệp Thăng Lợi (chi tiết tại Thuyết minh số 8).

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

21. VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.241.211.537.886	1.241.211.537.886	5.064.362.401.374	4.925.993.500.768	1.379.580.438.492	1.379.580.438.492
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	156.194.031.780	156.194.031.780	379.738.774.631	295.598.289.275	240.334.517.136	240.334.517.136
	1.397.405.569.666	1.397.405.569.666	5.444.101.176.005	5.221.591.790.043	1.619.914.955.628	1.619.914.955.628
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	248.378.409.150	248.378.409.150	411.903.932.070	216.071.612.678	444.210.728.542	444.210.728.542
Trái phiếu thường	215.310.064.052	215.310.064.052	896.895.216	61.900.000.000	154.306.959.268	154.306.959.268
	463.688.473.202	463.688.473.202	412.800.827.286	277.971.612.678	598.517.687.810	598.517.687.810
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(156.194.031.780)	(156.194.031.780)	(379.738.774.631)	(295.598.289.275)	(240.334.517.136)	(240.334.517.136)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	307.494.441.422	307.494.441.422			358.183.170.674	358.183.170.674

Công ty Cổ phần Phú Tài

Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các cá nhân khác của Công ty như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2021		01/01/2021	
				Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Vay ngắn hạn (VND)							
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	VND	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thẻ chấp ⁽ⁱ⁾	566.675.668.910	436.011.339.619	250.564.702.609
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	VND	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thẻ chấp ⁽ⁱ⁾	291.671.658.092	64.716.108.011	
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	VND	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thẻ chấp ⁽ⁱ⁾	128.168.156.446	52.336.077.979	
- Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	VND	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thẻ chấp ⁽ⁱ⁾	33.237.000.000	10.756.590.470	
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	VND	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thẻ chấp ⁽ⁱ⁾	11.102.124.520		
- Công ty Cổ phần chứng khoán Funna	VND	Theo từng hợp đồng	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	39.088.106.187		
- Ngân hàng Mirae Asset	VND	Theo từng hợp đồng	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	1.314.302.249		
- Vay ngắn hạn cá nhân	VND	Theo từng hợp đồng	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	175.971.106		
					61.918.350.310	57.637.860.550	

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	Loại tiền	Lãi suất năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2021		01/01/2021	
					Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Vay ngắn hạn (USD)								
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	34.010.369,40	812.904.769.582	34.709.291,92	805.200.198.267
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	9.619.736,32	220.724.849.862	1.682.406,00	39.023.407.170
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	11.849.527,87	271.591.178.780	12.803.007,17	297.221.811.452
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	963.820,00	22.090.754.400	1.796.546,00	41.706.815.390
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	7.605.725,55	207.543.716.798	10.915.540,86	253.131.392.543
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	3.148.484,66	72.068.813.867	3.525.711,48	81.673.106.434
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	USD	Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp ⁽¹⁾	823.075,00	18.885.455.875	1.292.114,00	29.970.584.230
					1.379.580.438.492		1.241.211.537.886	

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền		Lãi suất năm	Mục đích vay	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo		01/01/2021	
	VND	USD				31/12/2021	VND	VND	VND
Vay dài hạn									
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Phú Tài	VND		Thả nổi	Phục vụ dự án	2022	Thế chấp ⁽¹⁾	8.386.000.000	13.586.000.000	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	VND		Thả nổi	Phục vụ dự án	2023	Thế chấp ⁽¹⁾	179.390.416.365	50.590.395.060	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	VND		Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	2022	Thế chấp ⁽¹⁾	3.793.256.250	5.284.443.750	
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	VND		Thả nổi	Phục vụ dự án	2022	Thế chấp ⁽¹⁾	11.344.642.318	-	
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	VND		Thả nổi	Phục vụ hoạt động kinh doanh	2023	Thế chấp ⁽¹⁾	53.141.163.699	1.857.065.924	
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	USD		Thả nổi	Phục vụ dự án	2022	Thế chấp ⁽¹⁾	12.051.257.662	17.075.241.740	
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD		Thả nổi	Phục vụ dự án	2023	Thế chấp ⁽¹⁾	176.103.992.248	63.869.191.887	
- Trái phiếu phát hành ⁽¹⁾							154.306.959.268	215.310.064.052	
							598.517.687.810	463.688.473.202	
							(240.334.517.136)	(156.194.031.780)	
							358.183.170.674	307.494.441.422	

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

⁽¹⁾ Thế chấp: Các khoản vay được đảm bảo, thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

- (ii) Công ty đã thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ cụ thể như sau:
- Theo Nghị quyết 62/NQ-HĐQT ngày 17/05/2019 về phương án phát hành riêng lẻ 650 trái phiếu với mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu thông qua đại lý phát hành dành cho đối tượng dưới 100 nhà đầu tư.
 - + Mục đích: để thanh toán chi phí chuyển nhượng 99% phần vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát và chi phí hợp đồng BCC giữa Phú Tài và Sơn Phát để thanh toán chuyển nhượng tối thiểu 25 ha đất rừng sản xuất tại Diên Tân, Khánh Hòa.
 - + Số lượng trái phiếu đã phát hành: Công ty đã phát hành thành công 650 trái phiếu riêng lẻ vào ngày 10/6/2019, (mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu, chiếm 100% số lượng trái phiếu dự kiến phát hành) cho 01 nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định; giá phát hành bằng 100% mệnh giá;
 - + Hình thức trái phiếu là chứng chỉ; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành; lãi suất trái phiếu cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ điều chỉnh theo lãi suất trung dài hạn, kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định;
 - + Tài sản đảm bảo là: Nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát; quyền khai thác mỏ đá tại khu vực Cây sung 3, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.
 - + Tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu: tính đến 31/12/2021, Công ty đã sử dụng 100% tiền phát hành trái phiếu trên theo đúng mục đích sử dụng.
 - Nghị quyết 105/NQ-HĐQT ngày 22/10/2019 về phương án phát hành riêng lẻ 1.500 trái phiếu với mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu thông qua đại lý phát hành dành cho đối tượng dưới 100 nhà đầu tư.
 - + Mục đích: thanh toán chi phí để thực hiện dự án Nhà máy Thạch Anh nhân tạo tại Khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch, Đồng Nai.
 - + Số lượng phát hành: Công ty đã thực hiện phát hành thành công 1060 trái phiếu riêng lẻ cho 01 nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định thông qua 3 đợt phát hành: đợt 1 vào ngày 12/11/2019 với số lượng 204 trái phiếu, đợt 2 vào ngày 17/12/2019 với số lượng 256 trái phiếu và đợt 3 vào ngày 16/01/2020 với số lượng 600 trái phiếu; đợt 4 vào ngày 21/08/2020 với số lượng 440 trái phiếu; giá phát hành bằng 100% mệnh giá;
 - + Hình thức trái phiếu là chứng chỉ; kỳ hạn trái phiếu là 60 tháng kể từ ngày phát hành; lãi suất trái phiếu cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ điều chỉnh theo lãi suất trung dài hạn, kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định;
 - + Tài sản đảm bảo là: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Phú Tài và Công ty Cổ phần Vinatex Tân Tạo theo hợp đồng thuê đất số 43/HĐTLQSDĐ-VNT/KD-2019 ngày 08/08/2019; toàn bộ nhà xưởng, văn phòng và tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo Dự án Nhà máy Thạch anh nhân tạo tại KCN Dệt may Nhơn Trạch - Đồng Nai và toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc Dự án Nhà máy Thạch anh nhân tạo tại KCN Dệt may Nhơn Trạch - Đồng Nai.
 - + Tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu: tính đến 31/12/2021, Công ty đã sử dụng 100% tiền phát hành trái phiếu trên theo đúng mục đích sử dụng.
 - Theo Nghị quyết 108/NQ-HĐQT ngày 18/11/2020 về phương án phát hành riêng lẻ 348 trái phiếu với mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu thông qua đại lý phát hành dành cho đối tượng dưới 100 nhà đầu tư.
 - + Mục đích: để thanh toán chi phí để thực hiện dự án Nhà máy Thạch Anh nhân tạo tại Khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch, Đồng Nai.
 - + Số lượng đã phát hành: vào ngày 30/11/2020, Công ty đã phát hành thành công 348 trái phiếu riêng lẻ (mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu, chiếm 100% số lượng trái phiếu dự kiến phát hành) cho 01 nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định; giá phát hành bằng 100% mệnh giá;
 - + Hình thức trái phiếu là chứng chỉ; kỳ hạn là 1443 ngày kể từ ngày phát hành; lãi suất trái phiếu được tính bằng 2,7%/năm cộng với lãi suất tham chiếu, trong đó lãi suất tham chiếu đối với mỗi kỳ tính lãi được tính bằng 2,7% cộng với lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng TMCP Quân đội;

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

- + Tài sản đảm bảo: quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Phú Tài và Công ty Cổ phần Vinatex Tân Tạo theo hợp đồng thuê đất số 42/HĐTLQSDĐ-VNT/KD-2019 ngày 08/08/2019; toàn bộ nhà xưởng, văn phòng và tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo Dự án Nhà máy Thạch anh nhân tạo tại KCN Dệt may Nhơn Trạch - Đồng Nai và toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc Dự án Nhà máy đá thạch anh nhân tạo tại KCN Dệt may Nhơn Trạch - Đồng Nai.
- + Tình hình sử dụng vốn: tính đến 31/12/2021, Công ty đã sử dụng 100% tiền phát hành trái phiếu trên theo đúng mục đích sử dụng.

Tại các đợt phát hành, Công ty có ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định các Hợp đồng mua bán trái phiếu. Đồng thời, Công ty cũng ký với Ngân hàng này các hợp đồng quản lý tài khoản, theo đó, Công ty chỉ định Tổ chức quản lý tài khoản là Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định cung cấp các dịch vụ liên quan đến 01 tài khoản để giữ số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu và được phép chuyển đi thanh toán theo đúng mục đích sử dụng vốn trái phiếu quy định tại Bản công bố thông tin (được gọi là Tài khoản Trái phiếu); và 01 tài khoản để giữ số tiền dùng để thanh toán tiền gốc, tiền lãi và các nghĩa vụ khác của Công ty liên quan đến trái phiếu (được gọi là Tài khoản Dự phòng trả nợ).

Theo Phụ lục 1 của Hợp đồng quản lý tài khoản số 01/HĐ-MB ngày 12/11/2019, Công ty đã thỏa thuận với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định về lịch trình mua lại trái phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá cộng với lãi dồn tích đến thời điểm mua lại. Từ năm 2019 đến nay, Công ty đã thực hiện mua lại 943 trái phiếu, tương ứng với số tiền là 94.300.000.000 VND.

Tại ngày 31/12/2021, số dư nợ gốc trái phiếu là 155.500.000.000 VND (giá trị đã bao gồm khoản phí phát hành chờ phân bổ là 1.193.040.732 VND) tương ứng với 1.555 trái phiếu; số trái phiếu sẽ mua lại trong vòng 12 tháng tiếp theo là 594 trái phiếu; tương ứng với nợ gốc là 59.400.000.000 VND đang được Công ty phân loại là nợ ngắn hạn.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản ^(22.1)	4.405.733.967	4.405.733.967
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.350.000.000	-
	6.755.733.967	4.405.733.967
b) Dài hạn		
- Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ^(22.2)	7.579.994.619	6.100.316.546
- Chi phí thuê đất chưa có hợp đồng	3.528.000.000	2.822.400.000
	11.107.994.619	8.922.716.546

^(22.1) Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản của một số mỏ khai thác đá tại tỉnh Bình Định. Do chưa có thông báo của Cục thuế tỉnh Bình Định nên Công ty đã tạm tính để trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh các năm căn cứ theo quy định của Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/07/2019 của Chính phủ.

^(22.2) Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường được trích hàng năm căn cứ vào tổng số tiền dự toán chi phí môi trường theo giấy phép khai thác chia cho thời gian khai thác theo giấy phép.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND							
Số dư đầu năm trước	485.994.410.000	162.128.986.832	-	767.393.543.292	(82.808.934.273)	6.068.006.808	445.727.592.563	61.013.430.535	VND 1.845.517.035.757
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	358.501.244.681	20.804.204.399	379.305.449.080
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(139.412.803.000)	(12.182.594.174)	(151.595.397.174)
Trích bổ sung vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	258.920.172.915	-	-	(5.191.908.640)	-	(258.920.172.915)
Công ty con chia cổ phiếu thưởng	-	-	-	5.191.908.640	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	879.284.001	(879.284.001)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(24.999.421.286)	(1.888.693.203)	(26.888.114.489)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(55.755.525.591)	-	-	-	(55.755.525.591)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	41.897.073	-	41.897.073
Số dư cuối năm trước	485.994.410.000	162.128.986.832	-	1.031.505.624.847	(138.564.459.864)	1.755.382.169	380.059.053.115	67.746.347.557	VND 1.990.625.344.656
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	511.840.640.986	14.053.972.796	525.894.613.782
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(92.118.362.000)	(10.679.718.000)	(102.798.080.000)
Trích bổ sung vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	241.930.254.758	-	-	(241.930.254.758)	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	208.380.109	(208.380.109)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(22.101.029.607)	(1.069.661.656)	(23.170.691.263)
Chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu ^(23.1)	-	-	(138.433.164.393)	-	138.433.164.393	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	9.024.775	173.739.057	182.763.832
Số dư cuối năm nay	485.994.410.000	23.695.822.439	-	1.273.435.879.605	(131.295.471)	1.963.762.278	535.550.692.402	70.224.679.754	VND 2.390.733.951.007

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

^(23.1) Tại Nghị quyết số 02/NQ- HĐQT ngày 17/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Nghị quyết số 26/NQHĐQT ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị đã thông qua phương án: chia 2.540.260 cổ phiếu theo tỷ lệ 5,51% cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu; sử dụng nguồn vốn thặng dư cổ phần để làm nguồn vốn thực hiện; số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không phân phối hết sẽ được phân phối cho Công đoàn Công ty. Phương án phân phối đã được Ủy ban Chứng khoán thông qua tại văn bản số 3366/UBCK-QLCB ngày 05/07/2021. Kết quả thực hiện như sau:

- Số cổ phiếu quỹ đã thực hiện phân phối cho cổ đông hiện hữu là 2.536.688 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ đợt phân phối cho cổ đông hiện hữu là 1.165 cổ phiếu đã được phân phối cho Công đoàn Công ty;
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết là 2.407 cổ phiếu hiện đang nằm tại tài khoản chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Chứng khoán Agribank - Chi nhánh miền Trung.

Việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tại Công ty mẹ (1)		Phân phối tại các công ty con			Tổng cộng (3)= (2)+ (1)
	VND	VND	Tại Công ty con	Phản thuộc về mẹ (2)	Phản thuộc về cổ đông không kiểm soát	
Trích lập quỹ khen thưởng,	15.272.610.106	7.898.081.157	6.828.419.501	1.069.661.656	-	22.101.029.607
Bổ sung vốn khác của chủ sở hữu	198.061.230.020	43.869.024.738	43.869.024.738	-	-	241.930.254.758
Trích lập quỹ đầu tư phát	-	208.380.109	208.380.110	-	-	208.380.110
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	92.118.362.000	10.679.718.000	-	10.679.718.000	-	92.118.362.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Vỹ	59.624.850.000	12,27%	59.624.850.000	12,27%
Ông Lê Văn Thảo	38.008.330.000	7,82%	38.008.330.000	7,82%
Ông Lê Văn Lộc	27.986.020.000	5,76%	27.986.020.000	5,76%
Ông Nguyễn Sỹ Hòe	26.996.980.000	5,55%	26.996.980.000	5,55%
Các cổ đông khác	333.378.230.000	68,60%	333.378.230.000	68,60%
Cộng	485.994.410.000	100%	485.994.410.000	100%

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	485.994.410.000	485.994.410.000
- Vốn góp cuối năm	485.994.410.000	485.994.410.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.037.092.000	77.682.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	102.798.080.000	151.595.397.174
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	95.210.544.002	151.595.397.174
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	7.587.535.998	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	100.291.516.250	150.635.987.374
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	93.582.726.700	140.176.067.097
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	6.708.789.550	10.459.920.277
- Số dư cuối năm	3.543.655.750	1.037.092.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.599.441	48.599.441
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.599.441	48.599.441
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.599.441	48.599.441
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.407	2.540.260
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.407	2.540.260
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.597.034	46.059.181
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.597.034	46.059.181

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.963.762.278	1.755.382.169
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.273.435.879.605	1.031.505.624.847
	1.275.399.641.883	1.033.261.007.016

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty và các công ty con có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty và các công ty con có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty và các công ty con phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty và các công ty con có ký các hợp đồng thuê đất và hạ tầng Khu công nghiệp (chi tiết tại Thuyết minh số 11.1, 11.2, 11.3, 11.4, 11.5, 11.6, 11.7, 11.8, 11.9) nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp mà Công ty và các công ty con có cơ sở sản xuất kinh doanh. Công ty và công ty con đã trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
USD	385.443,40	1.930.408,44
EUR	7.001,13	12.138,08

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	4.305.301.433	3.917.387.584

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.419.203.847.681	5.502.864.608.749
- <i>Doanh thu bán các sản phẩm gỗ</i>	3.437.179.588.636	2.988.527.835.690
- <i>Doanh thu bán xe ô tô Toyota</i>	1.010.674.031.041	1.050.200.514.252
- <i>Doanh thu bán các sản phẩm đá</i>	1.445.744.739.568	1.435.563.869.427
- <i>Doanh thu bất động sản đã bán</i>	511.545.845.234	-
- <i>Doanh thu bán hàng khác</i>	14.059.643.202	28.572.389.380
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.773.383.598	99.384.013.553
- <i>Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota</i>	73.990.021.570	97.131.356.417
- <i>Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	1.783.362.028	2.252.657.136
	6.494.977.231.279	5.602.248.622.302

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	44.553.454	-
Hàng bán bị trả lại	1.805.706.731	1.011.852.605
Giảm giá hàng bán	1.177.930.363	-
	3.028.190.548	1.011.852.605

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

27. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.416.175.657.133	5.501.852.756.144
- Doanh thu bán các sản phẩm gỗ	3.436.036.235.410	2.987.515.983.085
- Doanh thu bán xe ô tô Toyota	1.010.629.477.587	1.050.200.514.252
- Doanh thu bán các sản phẩm đá	1.444.087.618.189	1.435.563.869.427
- Doanh thu bất động sản đã bán	511.545.845.234	-
- Doanh thu bán hàng khác	13.876.480.713	28.572.389.380
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.773.383.598	99.384.013.553
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota	73.990.021.570	97.131.356.417
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.783.362.028	2.252.657.136
	6.491.949.040.731	5.601.236.769.697

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	4.971.939.062.653	4.383.786.575.998
- Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm gỗ	2.635.063.260.099	2.314.123.951.588
- Giá vốn bán xe ô tô Toyota	968.848.723.424	1.035.343.189.338
- Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm đá	1.055.932.087.353	1.013.678.720.533
- Giá vốn bất động sản đã bán	303.803.179.243	-
- Giá vốn bán hàng hóa khác	8.291.812.534	20.640.714.539
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67.389.523.938	76.560.847.724
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa xe ô tô	67.328.683.938	76.500.007.724
- Giá vốn dịch vụ khác	60.840.000	60.840.000
	5.039.328.586.591	4.460.347.423.722

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.056.790.375	4.994.886.133
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	31.189.096.616	2.352.267.596
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.842.057.900	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.686.049.986	13.011.647.806
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	375.958.678	3.186.814.340
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	72.489.685	74.664.460
	61.222.443.240	23.788.280.335

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	98.746.277.603	89.239.816.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.235.429.766	16.723.274.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.007.473.468	197.279.808
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.053.009.625	-
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	5.484.062.913	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2.577.317.407	224.486.092
	120.103.570.782	106.384.856.872

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.175.304.768	232.619.335.954
Chi phí nhân công	19.240.731.231	15.673.822.931
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.806.543.393	35.596.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.031.897.104	2.474.985.801
Thuế, phí và lệ phí	21.949.415.123	14.992.416.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.439.572.827	147.217.634.272
Chi phí khác bằng tiền	14.852.421.185	9.094.040.603
	550.495.885.631	422.107.833.423

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.047.902	600.477.889
Chi phí nhân công	128.434.416.005	126.217.507.853
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.357.412.736	5.440.632.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.275.454.241	11.936.796.900
Thuế, phí và lệ phí	6.775.233.316	6.024.902.241
Hoàn nhập dự phòng	(442.339.287)	1.076.547.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.440.151.301	22.857.784.877
Chi phí khác bằng tiền	17.642.930.685	19.345.240.021
Lợi thế thương mại	3.199.643.239	3.199.643.239
	205.122.950.138	196.699.532.812

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.616.959.325	18.296.316.561
Thu từ hỗ trợ bán hàng xe Toyota	1.902.405.069	6.066.402.957
Thu từ hỗ trợ bán hàng gỗ	7.893.212.059	241.392.990
Tiền phạt thu được	-	21.305.970
Thu từ xử lý công nợ	947.970.244	2.326.962.692
Thu từ các dịch vụ khác	-	1.409.390.250
Thu nhập khác	2.140.526.475	595.987.034
	23.501.073.172	28.957.758.454

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt do giao chậm hàng	3.791.424.678	2.226.090.526
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.817.942.710	135.035.243
Các khoản bị phạt, lãi chậm nộp	602.196.430	2.209.938.432
Xử lý công nợ	296.959.767	456.222.542
Chi phí khác	2.619.856.106	1.107.917.253
	11.128.379.691	6.135.203.996

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	68.614.258.535	58.110.019.697
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	23.789.053.461	24.578.034.794
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Phú Yên	2.854.726.371	4.543.487.373
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Tuấn Đạt	820.617.619	761.017.176
- Công ty TNHH MTV Toyota Bình Định	1.421.443.663	1.373.285.789
- Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng	547.928.601	-
- Công ty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai	9.550.938.679	7.909.835.804
- Công ty Cổ phần Vina G7	6.345.712.459	6.460.820.152
- Công ty Sản xuất Đá Granite TNHH	-	875.764.089
- Công ty TNHH Đá Granite Thành Châu Phú Yên	851.068.807	1.620.216.993
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát	1.396.617.262	1.033.607.418
- Công ty TNHH MTV Bất động sản Phú Tài	28.221.922.659	-
	120.625.234.655	82.688.054.491

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (Thuế suất Thuế TNDN 20%)	1.824.116.071	1.578.259.110
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ tạm nộp thuế TNDN của hoạt động kinh doanh Bất Động sản (Thuế suất Thuế TNDN 1%)	-	2.462.653.158
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.824.116.071	4.040.912.268

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.599.112.454	1.379.919.620
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.599.112.454	1.379.919.620

c) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.219.192.834	992.625.373
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.824.116.071)	(1.578.259.110)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.578.259.110	900.087.827
	3.973.335.873	314.454.090

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	511.840.640.986	358.501.244.681
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	511.840.640.986	358.501.244.681
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	46.199.394	46.506.488
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.079	7.709

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.512.105.168.904	1.851.394.729.240
Chi phí nhân công	576.918.866.491	542.366.194.067
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	82.953.342.098	76.331.705.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	268.048.226.389	214.935.838.281
Thuế, phí và lệ phí	145.471.214.816	68.916.066.311
Hoàn nhập dự phòng	(442.339.287)	1.072.417.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.069.252.711.334	912.999.691.009
Chi phí khác bằng tiền	68.174.111.958	63.999.306.749
	4.722.481.302.702	3.732.015.948.634

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.866.626.171	-	167.783.353.561	-
Phải thu khách hàng, phải thu	826.317.591.431	(10.685.637.512)	672.639.767.301	(10.466.019.508)
Các khoản cho vay	-	-	100.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	55.260.082.595	(2.053.009.625)	12.153.038.334	-
	1.017.444.300.197	(12.738.647.137)	952.576.159.196	(10.466.019.508)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.978.098.126.302	1.704.900.011.088
Phải trả người bán, phải trả khác	665.733.635.773	563.660.381.015
Chi phí phải trả	18.199.874.070	9.639.978.866
	2.662.031.636.145	2.278.200.370.969

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	53.207.072.970	-	-	53.207.072.970
	53.207.072.970	-	-	53.207.072.970
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	12.153.038.334	-	-	12.153.038.334
	12.153.038.334	-	-	12.153.038.334

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.866.626.171	-	-	135.866.626.171
Phải thu khách hàng, phải thu	791.940.734.273	2.656.949.195	21.034.270.451	815.631.953.919
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	927.807.360.444	2.656.949.195	21.034.270.451	951.498.580.090
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.783.353.561	-	-	167.783.353.561
Phải thu khách hàng, phải thu	642.676.077.633	1.455.649.195	18.042.020.965	662.173.747.793
Các khoản cho vay	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
	910.459.431.194	1.455.649.195	18.042.020.965	929.957.101.354

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.619.914.955.628	358.183.170.674	-	1.978.098.126.302
Phải trả người bán, phải trả khác	665.037.696.573	695.939.200	-	665.733.635.773
Chi phí phải trả	18.199.874.070	-	-	18.199.874.070
	2.303.152.526.271	358.879.109.874	-	2.662.031.636.145
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	1.397.405.569.666	307.494.441.422	-	1.704.900.011.088
Phải trả người bán, phải trả khác	560.603.096.087	3.057.284.928	-	563.660.381.015
Chi phí phải trả	9.639.978.866	-	-	9.639.978.866
	1.967.648.644.619	310.551.726.350	-	2.278.200.370.969

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	5.475.039.089.292	3.696.008.324.811
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	896.895.216	210.059.405.718

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	5.140.837.869.294	3.915.611.528.292
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.227.244.152	443.595.375
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	61.900.000.000	74.588.000.003

41. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Phú Tài
Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh	Kinh doanh đá		Kinh doanh gỗ		Bất động sản	Thương mại và dịch vụ khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND		VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	1.444.087.618.189	3.436.036.235.410	511.545.845.234	1.100.279.341.898	6.491.949.040.731	-	-	2.973.932.783.050	-	-	6.491.949.040.731	
- Bán hàng nội địa	887.151.352.135	474.956.243.783	511.545.845.234	1.100.279.341.898	2.973.932.783.050	-	-	3.518.016.257.681	-	-	2.973.932.783.050	
- Xuất khẩu	556.936.266.054	2.961.079.991.627	-	-	3.518.016.257.681	-	-	5.039.328.586.591	-	-	3.518.016.257.681	
Giá vốn của hàng bán ra	1.055.932.087.353	2.635.063.260.099	303.803.179.243	1.044.530.059.896	5.039.328.586.591	-	-	1.452.620.454.140	-	-	5.039.328.586.591	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	388.155.530.836	800.972.975.311	207.742.665.991	55.749.282.002	1.452.620.454.140	-	-	1.452.620.454.140	-	-	1.452.620.454.140	
Tổng chi phí mua tài sản cố định	156.513.162.109	336.569.037.270	-	1.173.851.309	494.256.050.688	-	-	494.256.050.688	-	-	494.256.050.688	
Tài sản bộ phận	2.559.038.416.276	2.818.149.276.110	748.511.392.097	159.932.575.603	6.285.631.660.086	(871.177.489.080)	-	16.424.116.071	-	-	5.414.454.171.006	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.424.116.071	
Tổng Tài sản	2.559.038.416.276	2.818.149.276.110	748.511.392.097	159.932.575.603	6.302.055.776.157	(871.177.489.080)	-	6.302.055.776.157	(871.177.489.080)	-	5.430.878.287.077	
Nợ phải trả của các bộ phận	1.496.808.308.805	1.745.615.705.029	569.074.753.056	60.697.909.407	3.872.196.676.297	(871.177.489.080)	-	39.125.148.853	-	-	3.001.019.187.217	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39.125.148.853	
Tổng nợ phải trả	1.496.808.308.805	1.745.615.705.029	569.074.753.056	60.697.909.407	3.911.321.825.150	(871.177.489.080)	-	3.911.321.825.150	(871.177.489.080)	-	3.040.144.336.070	

Công ty Cổ phần Phú Tài

Số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Theo khu vực địa lý	Bình Định		Đồng Nai		Thành phố Hồ Chí Minh.		Đà Nẵng		Phú Yên và Ninh Thuận		Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	4.322.796.396.562	1.073.962.956.949	240.143.597.429	701.462.386.495	153.583.703.296	-	-	6.491.949.040.731	-	-	-	-	
- Bán hàng nội địa	1.857.285.020.846	21.458.074.984	240.143.597.429	701.462.386.495	153.583.703.296	-	-	2.973.932.783.050	-	-	-	-	
- Xuất khẩu	2.465.511.375.716	1.052.504.881.965	-	-	-	-	-	3.518.016.257.681	-	-	-	-	
Tổng chi phí mua tài sản cố định	469.450.634.596	5.949.496.472	-	1.173.851.309	17.682.068.311	-	-	494.256.050.688	-	-	-	-	
Tài sản bộ phận	4.372.445.211.083	854.793.274.083	5.670.084.080	86.596.032.717	248.433.990.043	(153.484.421.000)	-	5.414.454.171.006	-	-	-	-	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.424.116.071
Tổng Tài sản	4.372.445.211.083	854.793.274.083	5.670.084.080	86.596.032.717	248.433.990.043	(153.484.421.000)	-	5.430.878.287.077	(153.484.421.000)	-	-	5.430.878.287.077	
Nợ phải trả của các bộ phận	2.416.635.128.232	555.025.514.033	956.268.711	14.197.717.318	167.688.979.923	(153.484.421.000)	-	3.001.019.187.217	-	-	-	-	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	39.125.148.853	-	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	2.416.635.128.232	555.025.514.033	956.268.711	14.197.717.318	167.688.979.923	(153.484.421.000)	-	3.040.144.336.070	(153.484.421.000)	-	-	3.040.144.336.070	

Khu vực địa lý nêu trên được xác định căn cứ theo phân cấp quản lý giữa các xí nghiệp, chi nhánh (đơn vị phụ thuộc) và các công ty con của Công ty.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Ông Lê Vỹ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.540.400.000	1.411.700.000
- Ông Lê Văn Thảo	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.449.778.970	1.475.249.805
- Ông Phan Quốc Hoài	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	917.000.000	845.485.042
- Ông Trần Thanh Cung	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	879.050.000	738.086.172
- Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.246.171.420	939.575.009
- Ông Lê Văn Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị	948.653.245	758.004.248
- Ông Đỗ Xuân Lập	Thành viên Hội đồng quản trị	170.400.000	141.540.672
- Ông Trần Hữu Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	170.400.000	141.540.672
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan	Kế toán trưởng	529.199.000	625.829.840

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu: Võ Phương Thảo
Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Mỹ Loan
Tổng Giám đốc: Lê Văn Thảo






CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Bình Định, ngày 12 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VỸ